

Mật Tạng Bộ 1 _ No.850 (Tr. 65_Tr. 68)

KINH NHIẾP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT
THẦN BIỂN GIA TRÌ NHẬP LIÊN HOA THAI TẶNG HẢI HỘI
BI SINH MẠN TRÀ LA
QUẢNG ĐẠI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ
CÚNG DƯỜNG PHƯƠNG TIỆN HỘI
QUYỂN THỨ NHẤT

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BA CA LA (Śubhakarasiṃha: Thiên Vô Úy) phụng chiếu dịch.

Đệ tử được truyền là NHẤT HẠNH cầm bút ghi, trao cho Tỳ Kheo BẢO
NGUYỆT dịch ra ngữ âm.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Cúi lạy **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana-buddha)

Hé mở mắt tịnh như sen xanh

Ta y **Đại Nhật Kinh Vương** nói

Cúng dường *Sở Tư* (chỗ nương nhờ) mọi Nghi Quỹ

Làm thành thứ tự **Pháp Chân Ngôn** (Mantra-dharma)

Như thế sẽ được mau thành tựu

_ Lại khiến Bản Tâm lia như bản

Nay Ta tùy **Yếu Lược** tuyên nói

Muốn ở đời này vào **Tất Địa** (Siddhi)

Tùy nơi tướng ứng, mà suy nghĩ

Theo **Tôn** được trao truyền **Minh Pháp** (Vidya-dharma)

Quán sát tướng ứng, làm thành tựu

_ Trước lễ Tôn **truyền Giáo Quán Đỉnh**

Thỉnh bạch Chân Ngôn, nơi sửa nghiệp

Bậc Trí được Thầy cho phép xong

Y theo địa phận, chôn thích hợp

Ở khoảng sườn vách, cạnh đỉnh núi

Mọi nơi hang động giữa hai núi

Hoặc chỗ Như Lai, Thánh Đệ Tử

Trước kia đã từng trú ngụ qua

Chùa, Tháp, **Lan Nhã** (Araṇya), nhà Tiên xưa

Nên chọn nơi Tâm mình ưa thích

Xót thương Hữu Tình, vẽ Đàn lớn

Tiếp phụ Như Lai mở **mắt Pháp** (Pháp Nhãn: Dharma-cakṣu)

Hay độ Người, Trời, vô lượng Chúng

Tức là **Như Lai Thắng Sinh Tử** (Con Thắng Sinh của Như Lai)

Đủ sức **Tịnh Tuệ** hay kham nhẫn

Tinh tiến chẳng cầu các **Thế Gian** (Loka, hay Laukika)

Đêm đó phóng túng đã sinh tội

Ăn cần hoàn tịnh đều **hối trừ** (ăn năn trừ bỏ tội)

Tâm mắt nhìn quán kỹ, hiểu thấu

Năm Luân sát đất mà làm lễ.

_ Quy mệnh **Chính Đẳng Giác** mười phương

Ba đời tất cả đủ ba Thân

Quy mệnh tất cả **Pháp Đại Thừa**

Quy mệnh Chúng **Bất Thoái Bồ Đề**

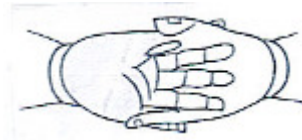
Quy mệnh các **Minh (Vidya)**, lời chân thật

Quy mệnh tất cả các **Mật Ấn (Guhya-mudra)**

Dùng nghiệp thanh tịnh Thân, Khẩu, Ý

Ấn cần vô lượng cung kính lễ.

1. Tác lễ phương tiện Chân ngôn là: (dùng Trì Địa Ấn bên dưới)



“Ấn (1) năng mô tát phộc đát tha nghiệt đa (2) ca gia, phộc khát-chất đa (3) phộc nhật-la, tông na nan, ca lỗ nhĩ (4)”

ॐ नमः सर्व तथगत कया वाकचित्त वाज्र

OM NAMO SARVA TATHĀGATA KĀYA VĀK-CITTA VAJRA VANDANĀM KARĀ UMI.

Do lời chân thật tác lễ này

Liên hay lễ khắp Phật mười phương.

Quy gối phải xuống, hợp chưởng móng

Suy tư sám hối tội nghiệp xưa

“Con do Vô Minh đã gom chứa

Nghiệp Thân Khẩu Ý tạo mọi tội

Tham dục, Giận, Mê che lấp Tâm

Nơi Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh Tăng

Cha mẹ hai Thầy, Thiện Tri Thức

Cùng với vô lượng các chúng sinh

Trôi trong sinh tử từ vô thủy

Tạo đủ tội cực nặng vô tận

Đối trước mười phương Phật hiện tại

Thảy đều sám hối, không tái phạm”.

2. Xuất tội phương tiện Chân ngôn là: (Phổ thông)



“Ấn (1) tát phộc bá bà tát-phổ tra (2) ná hạ năng phộc nhật-la dã (3) sa-phộc hạ (4)”

ॐ नमः सर्व पाप शोषा दाहाना वाज्रया - स्वहा

OM SARVA PĀPA SHOṬA DAHANA VAJRĀYA - SVĀHĀ

“*Nam mô mười phương Phật ba đời
Ba loại thường gần Tạng Chính Pháp
Chúng Đại Tâm Bồ Đề Thắng Nguyên
Nay con đều chân chính quy y*”

3. **Quy y phương tiện Chân Ngôn** là: (Phổ Thông)



“**Án (1) tát phộc một đà, mạo địa tát-đát-tông (2) thiết la noãn nghiệt tha nhĩ (3) phộc nhật-la đạt ma (4) hột-lý (5)**”

ॐ स र्व बु ध्वा न्म बु ध्वा न्म सि र्वा त्थ ग क्ख व र्ण म्म ह्रीः

ॐ OM SARVA BUDDHĀ BODHI STVAṀ - ŚARAṆAṀ GACCHAMI
VAJRA-DHĀRMA HRĪḤ

“*Con tịnh thân này lìa bụi nhơ
Cùng thân miệng ý của ba đời
Số nhiều hơn bụi hơn biển lớn
Phụng hiến tất cả các Như Lai*”

4. **Thí Thân Phương Tiện Chân ngôn** là (Thân đồng với tướng Chày Độc Cỏ)



“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) bố nhạ, bát-la phộc lý-đa năng dạ đát-ma nam (3) niết lý-dã đạ nhĩ (4) tát phộc đát tha nghiệt đa thất-giã địa để sắt-xá đam (5) tát phộc đát tha nghiệt đa nhạ nan mê (6) a vị thiết đô (7)**”

ॐ स र्व ग ल्प ग ग सु ख स व क्ख न्म न्म ज्जु ग्ग व्ख म्म स र्व ग ल्प ग ग व
म्व्ख म्म न्म स र्व ग ल्प ग ग सु न्म म्म म्म म्म म्म

ॐ OM SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTĀNĀYA -
ATMĀNĀM NIRYĀTA YĀMI - SARVA TATHĀGATĀŚCA
ADHITIṢṬATAM - SARVA TATHĀGATA-JÑĀNA ME ĀVIŚATU

“*Tâm Tịnh Bồ Đề, báu Thắng Nguyên*

“*Nay con phát khởi cứu quần sinh*

“*Sinh khổ đặng tập ràng buộc thân*

“*Cùng với Vô Tri hại đến thân*

“*Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát*

“*Thường làm lợi ích các Hàm Thức (satva)*

5. **Phát Bồ Đề Tâm Phương Tiện Chân ngôn** là (Phộc Án)



“**Án (1), mạo địa tức đa (2) tam mẫu đất bá ná dạ nhĩ (3)**”

ॐ व॒ध॒रि॒त्रि॒सु॒ख॒र॒ध॒ध

☞ OM_ BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

— “*Trong vô lượng Thế Giới mười phương*

*Các **Chính Biến Tri, Chúng Đại Hải***

Mỗi mỗi sức phương tiện khéo léo

*Với các Phật Tử vì **Quần Sinh***

*Bao nhiêu **Phước Nghiệp** đã tu tập*

Nay con tùy hỷ hết tất cả”

6. Tùy Hỷ Phương Tiện Chân ngôn là (Quy mệnh Hợp chương)



“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bố nhạ, nhạ năng nỗ mẫu ná năng (3) bố nhạ, mê già, tam mẫu nại-la (4) sa-phả la noa, tam ma duệ (5) Hồng**”

ॐ स॒र्व॒त॒थ॒ग॒त॒पु॒ण्य॒ज्ञाना॒नु॒मु॒द॒ना॒पू॒जा॒मे॒घा॒समु॒द्रा॒स्फ॒र॒ण॒स॒म॒य॒े॒हू॒म्

☞ OM_ SARVA TATHĀGATA PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA PŪJA MEGHĀ SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

— “*Nay con khuyến thỉnh các Như Lai*

Bồ Đề Đại Tâm, Đáng Cứu Thế

Nguyện xin khắp cả Giới mười phương

Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp”

7. Khuyến thỉnh phương tiện Chân Ngôn là:



“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) thê sái ninh, bố nhạ, mê già, sa mẫu nại-la (3) sa-phả la noa, tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स॒र्व॒त॒थ॒ग॒त॒वृ॒षभ॑सु॒ख॒र॒ध॒ध

☞ OM_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHĀ SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

— “*Nguyện khiến nơi Phạm Phu cư trú*

Mau buông mọi khổ bám trên thân

Sẽ được đến nơi không như bản (Vô Cấu Xứ)

*An trụ **thân Pháp Giới** thanh tịnh”*

8. Phụng Thủ Pháp Thân Phương Tiện Chân Ngôn là :



“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) ná the sái dã nhĩ (3) tát phộc tát đát-phộc, hệ đa lý-tha dã (4) đạt ma đà đồ tát-thể để lật-bà miệt đồ (5)**”

ॐ स त् न ए त्त न व ष य म् स त् स व न न ष य व म् व सु षु षु षु षु
ॐ OM SARVA TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI SARVA SATVA
HĪTA ARTHĀYA DHARMA-DHĀTU STHITIRBHAVATU

__ “**Bao nhiêu *Thiện Nghiệp* tu hành được**

Vì muốn lợi ích mọi chúng sinh

Nay con chân chính hồi hướng hết

Trừ sinh tử khổ đến Bồ Đề

9. Hồi Hướng Phương Tiện Chân Ngôn là :



“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) niết lý-dã đát-năng, bố nhạ, mê già, tam mầu nại-la (3) sa-phả la noa, tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स त् न ए त्त न व ष य म् स त् स व न न ष य व म् व सु षु षु षु षु
ॐ OM SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA PŪJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM

__ Lại tạo làm các việc **Phước** (Punya) khác

Đọc tụng, **Kinh Hành** (Caṅkramana), ngồi yên lặng

Vì khiến Thân Tâm thanh tịnh khắp

Thương xót cứu nhiếp nơi **Ta, Người** (Tự Tha)

Tâm Tĩnh như vậy lia bọt nhờn

Thân tùy chỗ ứng ngồi an tọa

Quan sát rõ ràng **Sơ Tự Môn** (A Tự Môn)

Luân Viên chín vòng rộng tròn trắng

__ Tiếp nên kết **Tam Muội Gia Án** (Chấp 2 tay lại, giữa trống rỗng, dựng thẳng **Không** (ngón cái) như cây phượng, hay mãn nhóm Phước Trí)

Ấy là Đạo **Tịnh Trừ** ba Nghiệp

Nên biết tướng Mật Án

Các **Chính Biến Tri** nói

Nên chấp tay Định Tuệ (2 bàn tay)

Kèm dựng hai **Không Luân** (2 ngón cái)

Chạm khắp các chi phần

Tụng trì **Chân Thật Ngữ**

Vào Phật Tam Muội Gia



10. Tam Muội Gia Chân Ngôn:

“**N**ăng mô tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ đượ (1) vĩ thấp-phộc mục khế tỳ đượ (2) **Án**, a tam mê (3) để-lý tam mê (4) tam ma duệ (5) sa-phộc hạ”

ॐ नम स्र व वर्यततुः वरि स्रवतुः ॐ नमम वरि मम ममम स्र वरु ॐ

OM - NAMO SARVA TATHĀGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ - ASAME TRISAME SAMAYE - SVĀHĀ

Vừa kết Mật Án này

Hay tịnh **Như Lai Địa** (Tathāgata-bhūmi)

Mãn **Địa** (Daśa-bhūmi: mười Địa), **Ba La Mật** (Ṣaḍ-pāramita: Sáu Ba La Mật)

Thành **ba Pháp Giới đạo** (Giới Đạo của ba Pháp)

Các Mật Án còn lại

Án Phẩm thứ tự nói.

Tiếp, kết **Pháp Giới Sinh**

Tiêu biểu của Mật Tuệ

Vì tịnh thân khẩu ý

Chuyển khắp cả thân mình

Tay Bát Nhã (Tay phải) Tam Muội (Tay trái)

Đều nắm Kim Cương Quyền

Hai Không (2 ngón cái) trong lòng tay

Phong Tràng (2 ngón trỏ) đều thẳng đứng



Như vậy là Bí Án

Của **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) thanh tịnh

11. Pháp Giới Sinh Chân Ngôn:

“**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **LAM**, đạt ma đà đở (2) sa-phộc bà phộc cú hàm (3)”

नम स्र व वर्यततुः वरि स्रवतुः ॐ नमम वरि मम ममम स्र वरु ॐ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM- RAM _ DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA UHAM

Như Tự Tĩnh Pháp Giới

Mà quán Thân của mình

Hoặc dùng **Chân Thật Ngôn**

Chuyển ba lần, tuyên nói

Sẽ thấy trụ **Pháp Thế**
Không dơ như Hư Không
Uy lực **Chân Ngôn Ấn**
Gia trì Hành Nhân nên
Khiến kẻ ấy kiên cố

_ Quán *Tự Cháp Kim Cương* (Thân mình là **Cháp Kim Cương**)

Kết Ấn Kim Cương Trí

Tay Chỉ (tay trái) Quán (tay phải) chung lưng

Luân Địa (ngón út) Thủy (Ngón Vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)

Trái phải trợ lẫn nhau

Hai Không (2 ngón cái) đều xoay chuyên

Hợp ở trong Tuệ chưởng (lòng bàn tay phải)



Đây gọi là **Pháp Luân**

Tối Thắng Cát Tường Ấn

Người đó chẳng bao lâu

Đồng với Đấng Cứu Thế

Uy lực Chân Ngôn Ấn

Người Thành tựu sẽ thấy

Thường như chuyển **Bảo Luân** (Ratna-cakra: bánh xe báu)

Mà chuyển **Đại Pháp Luân** (Mahā-dharma-cakra)

12. Kim cương Tát Đỏa Chân Ngôn:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) phộc nhật-la đất-ma cú hàm**

(2)”

ॐ नमो सामन्तावज्रानाम् - वज्रात्मका उहाम्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - VAJRA ATMAKA UHAM

Tụng Chân Ngôn này xong

Thường trụ ở **Đẳng Dẫn** (Samāhita)

Đế quán (quán sát kỹ lưỡng) Ta, thân này

Tức là **Cháp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

Vô lượng chúng Thiên Ma

Các loài khi nhìn thấy

Như **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajrasatva)

Đừng sinh Tâm nghi hoặc

_ Tiếp hoàn *Kim Cương Giáp* (Mặc áo giáp Kim Cương)

Thường quán nơi khoác mặc

Khấp Thế sinh ánh lửa

Dùng đũa trang nghiêm thân

Các **Ma** (Māra), loài gây chướng (Vināyaka)

Với loài Tâm ác khác

Nhìn thấy chạy tứ tán

Trước, tác **Tam Bồ Tra** (Samputa:Hư Tâm Hợp Chưởng)
Chỉ Quán (2 bàn tay) hai Không Luân (2 ngón cái)
Cột giữ trên Hòa Luân (Ngón giữa)
Hai Không tự kèm nhau
Ở trong lòng bàn tay



Tụng Chân Ngôn ấy xong
Nên quán chữ **Vô Cấu** (không như bản: ॐ_RA)

13. Kim Cương Giáp Trụ Minh:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Án (2) phộc nhật-la ca phộc
già (3) Hồng**”

ॐ म्मं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - OM VAJRA-KAVACA HŪM

Chữ LA (ॐ_RA) màu trắng tinh
Dùng điềm Không nghiêm sức (ॐ_RAM)

Như ngọc sáng của tóc
Đặt ở trên đỉnh đầu

Ví như trong trăm kiếp

Đã chứa mọi tội như

Do đây thầy trừ diệt

Phước Tuệ đều viên mãn

Túc Chân Ngôn ấy là:

14. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Lam”

ॐ म्मं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RAM

Chân Ngôn đồng Pháp Giới

Trừ vô lượng chúng tội

Chẳng lâu sẽ thành tựu

Trụ ở **Địa Bất Thoái**

Tất cả nơi húc uế

Nên gia **Tự Môn** này

Màu đỏ đủ uy quang

Rực lửa vây chung quanh

__ Tiếp, vì giảng phục Ma

Chế ngự các Đại Chương

Nên niệm bậc Đại Hộ

Vô Năng Kham Nhẫn Minh

Tướng Án, như dưới biết



15. Đại Hộ Chân Ngôn là:

“Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc bà dã vĩ nga đế tỳ-dược (2) vĩ thấp-phộc mục khế tỳ-dược (3) tát phộc tha (4) hàm khiếm (5) la khát-sái, ma hạ mặt lệ (6) tát phộc đất tha nghiệt đa (7) bôn nê-dã nễ tả đế (8) hồng hồng (9) đất-la tra đất-la tra (10) a bát la để tư đa (11) sa-phộc ha ”

ॐ मः सक् गल्गगत्रः सक् रुद्य अगगत्रः अश्व सुश्वत्रः सक्त्स
कंत्स इक् मन्वत्स सक् गल्गगत्रः पुत्र अरुग हं हं सत्स सत्स
सुप्रगदगत्रः सुद +

ॐ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA
VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ HAṀ KHAṀ
RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJĀTE HŪM
HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHAṬE SVĀHĀ

Do vừa mới nghĩ nhớ
Các **Vĩ Năng Dạ Ca** (Vināyaka)
Nhóm **La Sát** (Rākṣasa) hình ác
Tất cả đều chạy tan

_ Trước mặt quán chữ LA (𑖫 _ RA)
Đủ điểm rộng nghiêm sức (𑖫 - RAM)
Là *Tịnh Quang Diễm Man* (Vòng lửa của ánh sáng thanh tịnh)
Đỏ như mặt trời sớm
Niệm: Tiếng, Nghĩa chân thật
Hay trừ tất cả Chướng
Giải thoát **ba Độc Cấu** (Bợn nhờn của ba Độc)
Các Pháp cũng như thế
Trước tự tịnh Đất Tâm
Tiếp, tịnh đất Đạo Trường
Như nơi giữ Kim Cương (Kim Cương sở trì)
Đất này cũng như vậy
Bạc Du Già (Yogī) *Đế Quán* (Chân thành xem xét kỹ)
Năm Luân rất *thâm mật* (Bí mật sâu xa)
_ Thoạt đầu, ở *hạ vị* (vị trí bên dưới)
Suy tư **Phong Luân** (Vāyu-cakra) kia
Nơi an trú chữ HA (𑖫)
Màu đen tuôn ánh lửa
Tức Chân Ngôn ấy là:

16. “Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Hàm”

ॐ मः सस ग व हं हं ॐ ॐ

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HAṀ

_ Tiếp, trên đặt **Thủy Luân** (Varuṇa-cakra)
Màu sắc như sữa tuyết
Nơi an trú chữ Phộc (𑖫 - VA)

Ánh điện, **Trăng** (Candra:Mặt trăng), **Pha Chi** (Sphaṭika: Đá báu như thủy tinh)

Tứ Chân Ngôn ấy là:

“**Tông**” (Quy mệnh giống như trước)

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAM

_ Lại ở trên Thủy Luân

Quán làm **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)

Tượng đặt chữ ban đầu (Bản sơ tự: ॐ - A)

Bốn phương toàn màu vàng

Tứ Chân Ngôn ấy là

“**A**” (Quy mệnh giống như trước)

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं वृ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - A

Luân đó như **Kim Cương** (Vajra)

Tên **Đại Nhân Đà La** (Mahendra)

Ánh lửa màu vàng trong

Tràn ngập tuôn chảy khắp

Ở trong đáy suy tư

Đạo Sư, các Phật Tử

Trong nước quán sen trắng

Cộng Kim Cương xinh đẹp (diệu sắc)

Tám cánh đủ râu nhụy

Mọi báu tự trang nghiêm

Thường tuôn vô lượng quang

Trăm ngàn sen vây quanh

_ Trên ấy lại quán tượng

Tòa **Đại Giác Sư tử**

Bảo Vương dùng trang sức

Ngay trong cung điện lớn

Cột báu xếp thành hàng

Khắp nơi có phương lọng

Các chuỗi ngọc xen nhau

Rũ treo áo báu đẹp

Chung quanh mây hương hoa

Cùng với mọi mây báu

Tuôn mưa mọi loại hoa

Thơm phức trang nghiêm đất

Tiếng hòa vận êm tai

Mà tâu các âm nhạc

_ Trong cung tượng *Tĩnh diệu* (trong sạch màu nhiệm)

Hiền Bình (Bhadra-kumbha) với **Át Già** (Argha)

Cây Vua báu nở hoa

Đèn **Ma Ni** (Maṇi) soi chiếu

Tam Muội (Samādhi), đất Tổng Trì

Thê Nữ (cung nữ) của Tự Tại

Phật, Ba La Mật đấng

Cũng lợi các chúng sinh
Giống như **Đại Nhật Tôn**
Bạc Du Già quán sát
Một Thân và hai Thân
Cùng nhập vào **Bản Thể**
Lưu xuất cũng như vậy
Tùy nơi ưa muốn đó
Y Pháp trước mà chuyển

Triệu dùng **ba Bộ Tâm**
Phong (ngón trỏ) *Câu* (cong như móc câu) liền gia thỉnh



Vì khiến Tâm vui vẻ
Phụng hiến *Ngoại Hương Hoa*

Tiếp kết **Đồ Hương Ấn**
Quán Chưởng (lòng bàn tay phải) hướng ngoài dựng
Chỉ Vũ (Tay trái) nắm Hữu Quán (Tay Phải)



Tâm tưởng mây **hương xoa** (Gandha: Đồ hương)
Trong mát khắp Thế Giới

Đồ Hương Chân Ngôn là:

**18. “Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) vĩ thú đà kiện độ nạp-bà phộc
dã (2) sa-phộc hạ”**

ॐ नमोऽस्मिन् वसुधैव कुटुम्बकम् ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIŚUDDHA-GANDHA
UDBHAVĀYA - SVĀHĀ

Tiếp nói (minh: tỏ rõ, biết rõ) **Phụng Hoa Ấn**
Tám ngón *nội tương xoa* (cài chéo nhau bên trong)
Uyển hợp (hợp cổ tay) Phong đầu trụ (2 đầu ngón trỏ dính nhau)
Ấn như thể bụm hoa



19. *Chân Ngôn* là:

“**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ muội đát lý-dã (2) tỳ-dữu ốt nga đế (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक्सम्बुद्धाय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE - SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Thieu Hương Ấn**

Sáu ngón giáp lưng trong

Hai đầu Phong (ngón trỏ) hợp cạnh

Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trỏ)



20. *Chân Ngôn* là:

“**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) đạt ma đà đồ noa nghiệt đế (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक्सम्बुद्धाय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - DHARMA-DHĀTU ANUGATE - SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Ấm Thực Ấn**

Hai Địa (ngón út) cùng dính cạnh

Thủy (Ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) hợp đầu

Không (ngón cái) phụ ở dưới Phong (ngón trỏ)

Giống như hình Thực Khí (vật đựng thức ăn)

Hợp cổ tay dâng hiển



21. Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A la la (2) ca la la (3) ma lân nại
nê (4) ma ha ma lý (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अरारा कारारा बलिम
ॐ नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ARARA KARARA BALIṀ
DADE, MAHĀ-BALIḤ - SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Đặng Minh Ân**

Quán Quyền (quyền phải) dựng Hỏa Luân (ngón giữa)

Không (ngón cái) trụ lóng dưới Hỏa (ngón giữa)



Vận tướng vô biên Cõi

Mỗi mỗi trước chư Phật

Sáng tỏ làm Phật Sự

22. Chân ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) dát tha nghiệt da lật chỉ (2) sa-phả
la noa, phộc bà sa ná (3) nga nga nhu ná lý-dã (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अर्चिता गगना उदर्या स्वर्गा
ॐ नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA ARCI
SPHARAṆA VABHĀSANA GAGANA UDĀRYA - SVĀHĀ

_ Tiếp, quỳ thẳng lưng, **Phổ Thông Chưởng**



Tán dương Phước Trí của Như Lai

Đây đã khen ngợi *Sát Trần chúng*

Vì cầu **Tất Địa** (Siddhi) phát *thanh âm* (tiếng trong trời)

Ân cần bái xướng, ba đến bảy

Tiếp tụng câu **Cát Khánh Già Tha**

Hoặc năm hoặc bảy, dưới đến ba

Cảnh giác chư Tôn phát vui vẻ

23. Chân ngôn là:

“Phộc nhật-la tát đát-phộc, tạng nga-la hạ (1) Phộc nhật-la la đát-năng, ma nõ đát-lam (2) Phộc nhật-la đạt ma, nga dã nại (3) Phộc nhật-la yết ma, ca lố bà phộc (4)”

ॐ वज्रसत्वा संग्रहा वज्ररत्न मनु त्रं वज्रदम त्रयं वज्रकर्म कृतं व्रतं

☞ VAJRA-SATVA SAMGRĀHA - VAJRA-RATNA MANU TRAM VAJRA-DHARMA GAYADO - VAJRA-KARMA KALOBHAVA

_ Tiếp hiển **Át Già Ấn**

Chỉ Quán (2 tay) chắp Liên Hoa (Liên Hoa Hợp chuông)

Mở Phong (ngón trỏ) phụ lóng Hỏa (ngón giữa)

Không (ngón cái) đều phụ ở Phong (ngón trỏ)



Quy: Trước, phải, sau, trái

Đưa Ấn đến vàng trán

Ba lần dâng **Thánh Thiên**

Trong Tâm có mong cầu

Tùy hiển đều trình thưa (khải bạch)

Sẽ được **địa Vô Cấu** (Amala-bhūmi)

Định (Samādhi) *Ly Nã Thanh Lương*

24. Át Già Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la ná ca tra, Hồng**” (như cầu, chí nguyện 3 lần tập, Bách Tự Minh)

ॐ वज्रसकलं

☞ OM - VAJRA UDAKATA - HŪM

[Bản khác ghi là: **Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Nga nga năng tam ma tam ma, sa phộc hạ**]

ॐ नमः समंता बुद्धानाम् गगान समसाम् सुखा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA SAMA ASAMA - SVĀHĀ]

_ Tiếp cầm chày Kim Cương

Rút ném, rung chuông vàng

Liên thêm **chuyên Pháp Luân**

Đế Tướng (chân thành tướng) **Chấp Kim Cương**

Như ở **Pháp Giới Tính**

Thường trụ **Tâm Bồ Đề**

_ Tiếp kết **Phương Ngung Ấn**

Dùng Thánh **Bất Động Tôn** (Acala)



Chuyển trái thành **Tịch Trừ**
Chuyển bên phải, trên, dưới
Chạm khắp chi phần Thân
Kết hộ đều kiên lao (bền chắc không thể phá)
Chân Ngữ, **mẫu đà la** (Mudra: Ân)
Như dưới nên phân biệt
_ Đã nghiêm bị xong rồi
Nên bày **Căn Bản Khế**
Lại gia trì năm nơi
Chuyển bảy lần hoặc ba
Bung Ân, mở trên đỉnh
Bán già, Chính Thân ý
Hoặc tác *tương ứng Tọa* (cách ngồi tương ứng)
Tùy phương như Giáo nói.
_ Chính diện trụ trước Thân
_ Quán một Tượng *Viên Minh* (tròn trịa sáng tỏ)
Trong sạch không tỳ vết
Giống như vành trăng đầy
Trong có hình Bản Tôn
Diệu sắc hơn ba Cõi
Thân khoác áo lụa mỏng
Mão báu, râu tóc xanh
Tịch Nhiên Tam Ma Địa
Lửa sáng hơn ánh điện
Giống như trong gương trong
Thăm thẳm hiện chân dung
Mừng giận hiển hình sắc
Nhóm *Táo Trì, Dữ Nguyên*
Chính Thọ tương ứng Thân
Tâm sáng tỏ không loạn
Vô Tướng Tịnh Pháp Thể (Thể của Pháp Thanh tịnh không có Tướng)
Nên nguyện cứu quần sinh
Nhũ Phong (ngón trở ở vú) làm bốn Ân
Tùy một, làm thành tựu
Tu hành đủ sáu tháng
Thần Thông lên xuống nhẹ
An trụ **Như Lai Câu**
Bày chữ như dưới nói
Hỏa Sinh Chướng Thánh Giả
Vô Động Tôn Chân Ngôn (như Quyển Trung nói rõ)

NHIỆP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA CÚNG DƯỜNG PHƯƠNG TIỆN NGHI QUỶ
_ QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)_

_ Kim Cương Bí Mật Chủ!
Minh Phi hay thị hiện
Tất cả **Như Lai Địa**
Chẳng vượt ba Pháp Giới
Mãn **Địa Ba La Mật**
Mật Ấn, tay Định (tay trái) Tuệ (tay phải)
Liên Hợp (chấp tay Liên Hoa) dựng hai Không (ngón cái).



Trán, vai, tim, huyệt, đỉnh
Ấn năm, tụng Minh Phi.
Đây **Nhất Thiết Chư Phật**
Cứu Thế chi Đại Ấn (Đại Ấn cứu thế của tất cả chư Phật)
Chính Giác Tam Muội Gia
Của chư Phật Cứu Thế
Ở Ấn này mà trụ

_ Tiếp **Pháp Giới Sinh Ấn**
Nên trụ ở chữ LA (𑖫 - RA)
Ấn Minh như trước nói

_ Tiếp **Chuyển Pháp Luân Ấn**
Đề tướng (chân thành tướng) **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)
Phong Luân (Vāyu-cakra), hạt giống **Gió** (𑖫 - HA)
Ấn Minh như **Sơ Hội** (Hội ban đầu)

_ Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát
Từ mọi **Tam Muội** này
Liên vào *chữ Vô Sinh* (𑖫 - A)
Trụ **Tâm Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-citta)
Quán Thân như **Tất Đồa** (Vajra-satva)
Sắc tướng *Pha Lê biếc* (màu thủy tinh xanh biếc)
Trụ ở **Yết Ma Luân** (Karma-cakra)
Khấp cả thành vòng lửa (Diễm Man)
Tụng **Chân Ngôn Vương** dưới
Vuông, làm *Mạn Trà La* (Maṇḍala: Đàn)
Hai khuỷu tay làm lượng
Khác đây, chẳng tốt lành

_ Kệ tìm đất như Kinh
Điễm **Bạch Đàn** làm dấu
Hương hoa phụng hiến khắp
Trước trì **Biện Sự Minh**

A Xà Lê (Ācārye) truyền Pháp
Mới có thể ứng lấy
Tu Đa La năm màu (Pañca-varṇa-sutra: Chi ngũ sắc)
Cúi lạy tất cả Phật
Đại Tỳ Lô Giá Na
Gần gũi, tự gia trì

_ Bắt đầu từ phương Đông
Cầm chỉ đối diện nhau (đối trì Tu Đa La)
Ngang rón giảng trên không
Dần chuyển theo bên phải
Như vậy Nam rồi Tây
Cuối cùng ở phương Bắc
_ Thứ hai, an lập **Giới**
Cũng khởi từ *phương đầu* (phương Đông)
Nghĩ nhớ các Như Lai
Di chuyển như trên nói
Phương phải rồi phương sau
Lại vòng ở *Thắng phương* (phương Bắc)
_ A Xà Lê quay về
Y ở **Niết Lý Để** (Nairṛti: phương La Sát, phương Tây Nam)
Người Thọ Học đối trì
Dần dần đến phương Nam
Từ đây nhiều bên phải
Chuyển y ở *Phong phương* (Vāyu: phương Tây Bắc)
_ Đạo Sư dời Bản xứ
Đến ngụ ở *Hỏa phương* (Agni: Phương Đông Nam)
Trì Chân Ngôn Hành Giả
Lại tu Pháp như vậy
Đệ Tử ở Tây Nam
Thầy ở **Y Xá Ni** (Īsani: phương Đông Bắc)
Người Học lại nhiều quanh
Chuyển y ở *Hỏa phương* (phương Đông Nam)
_ Thầy dời khỏi bản xứ
Đến trụ ở *Phong phương* (phương Tây Bắc)
Như vậy Bắc Chân ngôn
Rộng làm Tướng bốn phương
_ Dần dần vào trong ấy
Chia làm ba vị trí
Biểu thị ba Phần Vị
Tướng đất rộng vòng khắp
_ Lại ở mỗi một phần
Sai biệt dùng làm ba
Trong đây phần Tội Sơ (ban đầu)
Nơi hành Đạo tác Nghiệp
Còn lại phần giữa, sau
Trú xứ của **Thánh Thiên**
Nên biết phân chia đều
Thành Tâm dùng ân trọng

Vận bày các Thánh Tôn
Nhìn kỹ A Xà Lê
Chính Thọ tạo mọi tướng
Đều đặn khéo phân biệt
_ Nội Tâm: Sen trắng diêu
Trong Tạng tạo **Nhất Thiết**
Bi Sinh Mạn Trà La
Mười sáu **Ưng Câu Lê** (lượng bằng 16 ngón tay duỗi ra)
Hơn đây làm số lượng
Tám cánh thật tròn đây
Râu nhụy đều tươi tốt
Trí Ẩn của Kim Cương
Lộ khắp các mặt cánh
_ Từ trong đài hoa này
Hiện **Đại Nhật Trắng Tôn**
Màu vàng rờng rực rỡ
Đầu đội mào tóc kết
Cứu Thế Viên Mãn Quang
Ly Nhiệt trụ Tam Muội
_ Nhóm *bốn Trí, bốn Hạnh*
Trong *tám Bí* (8 Ẩn bí mật) diễn nói
Trên Đại Nhật Như Lai
Các quyển thuộc Tam Muội
Từ phương Đông vẽ làm
Tất cả **Biên Trí Ẩn**
Tam giác trên hoa sen
Màu sắc đều trắng tươi
Ánh lửa vây chung quanh
Trong sáng rộng vòng khắp
Ngọn sắc bén hướng xuống
Phật ngồi dưới **Đạo Thụ** (cây Bồ Đề)
Trì đây, giáng Bốn Ma
Nên hiệu: **Biên Trí Ẩn**
Hay đủ nhiều Công Đức
Sinh mọi **Tam Muội Vương.....**
_ Tiếp ở góc phía Bắc (Bắc duy)
Đạo Sư, các Phật Mẫu
Màu vàng rờng lóng lánh
Dùng lụa trắng làm áo
Chiều khắp như mặt trời
Chính Thọ trụ Tam Muội
Phật Mẫu Hư Không Nhãn
Chân Ngôn là:

26. “**Nãng mạc tam mãn đa một đà nam (1) nga nga nãng phộc la lạc khát-xoa nãi (2) nga nga nãng sa ma duệ (3) tát phộc đồ ốt-nga đá (4) tỳ sa la tam bà phệ (5) nhập phộc-la nan ma mục khư nãng (6) sa phộc-hạ**”

नमः समन्त बुद्धानाम गगन वर लक्षणे गगन समये
सर्वता उदगता अभिसारा सम्भवे -
ज्वाला - नामो अमोघानाम - स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA VARA LAKṢAṆE
- GAGANA SAMAYE - SARVATA UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE -
JVALA - NAMO AMOGHĀNĀM - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 bàn tay) Quy Mệnh Chưởng
Phong (ngón trỏ) vịn gia trên Không (Ngón cái)
Hình ấy như **Khế Già** (Khaḍga: cây đao)



Đại Tuệ Dao Ấn này

Tất cả Phật đã nói

Hay cắt đứt các **Kiến** (Dṛṣṭi)

Là đều sinh **Thân Kiến** (Satkāya-dṛṣṭi: Ở thân chấp cái Ta có thật)

Chân Ngôn là:

27. “**N**ăng mạt tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ khiết nga vĩ la nhạ (2)
đạt ma tán nại la-xả ca sa hạ nhạ (3) tát ca dã nại-lệ sắt-trí tra-duệ nặc ca (4) đát
tha nghiệt đa, a địa mục khát-để nễ-dục xả đa (5) vĩ la nga đạt ma nễ-dục xá đa,
hồng (6)”

नमः समन्त बुद्धानाम मन्त्र विराज अस्मिन् वर संवर्धने सर्वता
सम्भवे ॥ नमो अमोघानाम ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA
DHARMA SAMDARŚAKA SAHAJA SATKĀYA-DRṢṬI CCHEDAKA
TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA VIRĀGA DHARMA NIRJĀTA HŪM

_ Chắp hai tay giữa rỗng
Cổ Phong (ngón trỏ) quặp lấy Không (ngón cái)
Hình như đảnh **Thương Khư** (Śaṅkha: vỏ ốc)
Đây, tên là **Thắng Nguyên**
Cát Tường Pháp Loa Ấn



Chư Phật, Thầy của đời

Bồ Tát, Đấng Cứu Thế

Đều nói Pháp vô **Cầu** (không dơ bản)

Đến **Niết Bàn** Tịch Tĩnh

Chân Ngôn là:

28. “**N**ăng mạt tam mãn đa một đà nam (1) **Ám**”

नमः समन्त बुद्धानाम ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM

_ Chắp hai tay duỗi tán

Giống như **Kiên Tra** (Ghaṃṭa: cái chuông) trước

Địa (ngón út) Không (ngón cái) đều giữ nhau

Khiến hợp đầu Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa)



Cát Tường Nguyên Liên Hoa

Chư Phật, Đấng Cứu Thế

Toà Kim Cương Bất Hoại

Giác ngộ gọi là Phật

Bồ Đề (Bodhi) cùng **Phật Tử** (Buddha-putra)

Thấy đều từ đây sinh

Chân Ngôn là:

29. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) A”

𑖀𑖦𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AH

_ Hai tay nắm quyền ngoài (Ngoại quyền)

Duỗi Hỏa (ngón giữa), Phong (ngón trỏ) như Câu (móc câu)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) đều hợp cứng

Hình như **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Kim Cương)



Kim Cương Đại Tuệ Ấn

Hay hoại Thành (cái Thành) Vô Trí

Đánh thức kẻ say ngủ

Trời, Người chẳng thể hoại

Chân Ngôn là:

30. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn. Hồng”

𑖀𑖦𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _HŪM

_ Hai tay nắm quyền Trong (Nội quyền)

Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) đều hợp dựng

Co Phong (ngón trỏ) giữ nơi Hỏa (ngón giữa)

Hình tựa viên ngọc báu



Ấn này: **Ấn Ma Ha** (Đại Ấn)

Ấy là Như Lai Đỉnh

Vừa mới kết tác xong

Liên đồng với Thế Tôn

Chân Ngôn là:

31. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng Hồng”

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् - हुम् हुम्

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HŪM HŪM

_ Co tay Tuệ (tay phải) thành quyền

Đặt lóng Phong (ngón trỏ) Tam Tinh



Tên là: **Hào Tướng Tạng**

Phật thường mãn Nguyên ấy

Do mới kết Ấn này

Liên đồng **Nhân Trung Thắng**

Chân Ngôn là:

32. “Năng mặc tam mãn đa một đà nãm (1) A hàm nhạ”

ॐ नमो सामन्ता बुद्धान्म अहं नमः

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AḤ HAM JAḤ

_ Tiếp, trụ Du Già Tọa

Định Tuệ (2 bàn tay) để ngay rôn

Giống tướng ôm bình bát



Đây tên là **Thích Ca**

Mâu Ni Đại Bát Ấn

Chân Ngôn là:

33. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Bà”

ॐ नमो सामन्ता बुद्धान्म भः

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - BHAḤ

_ Ấn trước duỗi tay Tuệ (Tay phải)

Hướng trên: Thí Vô Úy

Hay ban cho tất cả

Loại chúng sinh: “**Vô Úy**” (Abhayam: không sợ hãi)



Nếu kết Đại Ấn này
Là Đấng Thí Vô Úy
Chân Ngôn là:

34. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc tha (2) nhĩ ná nhĩ ná (3) bội dã, na xa ná (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्त-बुद्धानाम् - सर्वथा - जिना जिना -

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - SARVATHĀ - JINA JINA -
BHAYA NĀŚANA - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 tay) lại như trước
Tuệ (tay phải) rũ xuống **Thí Nguyện** (Varada)
Ấn Dữ Nguyện (Varada-mudra) như vậy



Bậc **Thế Y** đã nói
Vừa mới kết Ấn này
Chư Phật mãn Nguyện ấy
Chân Ngôn là:

35. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc la ná phộc nhật-la đát-ma ca (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्त-बुद्धानाम् - वरदा वाज्रात्मका

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VARADA VAJRA ATMAKA
- SVĀHĀ

_ Tuệ quyền (Quyền phải) duỗi Phong Luân (ngón trỏ)
Làm hình **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkuti: nhãn mày)
Trụ ở Tướng **Đẳng Dẫn** (Samāhita)



Dùng Đại Ấn như vậy
Chư Phật, Đấng Cứu Thế
Khủng bố các điều Chướng
Tùy ý thành **Tất Địa** (Siddhi)
Bởi vì kết Ấn đó
Chúng Ma quân đại ác
Với các điều Chướng khác
Chạy tan, không thể nghi
Đặt đầu Phong (ngón trỏ) Tam Tinh
Chân Ngôn là:

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HE HE MAHĀ-PĀŚA-
PRASARA UDĀRYA SATVA-DHĀTU VIMOHAKA - TATHĀGATĀ
ADHIMUKTI NIRJĀTA - SVĀHĀ

Định Tuệ (2 tay) hợp thành quyền
Tuệ (tay phải) co Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Tên gọi là **Câu Ân**
Chư Phật, Đấng Cứu Thế
Triệu Tập ở tất cả
Trụ ở **mười Địa Vị** (Daśa-bhūmi)
Bậc **Bồ Đề Đại Tâm**
Với chúng sinh nghĩ ác
Tùy **Triệu** đều phó tập
Chân Ngôn là:

39. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) **A**, tát phộc đát-la bát-la để ha
đế (2) đát tha nghiệt đẳng củ xa (3) mạo địa chiết lý-gia, bả lý bố la ca (4) sa-phộc
hạ”

ॐ: सप्त श्र व ह नं स ॐ: स व व च (श ह नं स ॐ) व च नं सु स ॐ व च नं सु
च (ॐ च नं सु स ॐ) व च नं सु

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AḤ SARVATRA APRATIHATE
TATHĀGATA AMKUŚA BODHICĀRYA PARIPŪRAKA SVĀHĀ

Ân trước đuôi Hỏa (ngón giữa) co
Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) như móc câu



Đấy, tên **Nhu Lai Tâm**
Chân Ngôn là:

40. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) chỉ nhưõng nõ nạp-bà phộc (2)
sa-phộc hạ”

ॐ: सप्त श्र व ह नं स ॐ: सु व ह व च ॐ: सु व ह व च ॐ

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - JÑĀNA UDBHAVA - SVĀHĀ

Quyền trước đầu Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)
Đuôi Thủy (ngón vô danh) **Nhu Lai Tê** (cái rôn của Nhu Lai)



_ Tứ Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) trước
Duỗi tán, **Như Lai Yêu** (eo lưng của Như Lai)



Hai Ấn đều Trì Minh
Hai Chân Ngôn ấy là:

(Yêu hoặc Nội Phộc Quyền kèm 2 Thủy (ngón vô danh) duỗi hợp)

Như Lai Tề Chân Ngôn

41. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A một-lý đô nạp-bà phộc (2)
sa-phộc hạ**”

ॐ नमोः समन्त बुद्धानाम् अमृता उद्भवा स्वाम्हा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AMṚTA UDBHAVA SVĀHĀ

Như Lai Yêu Chân Ngôn:

42. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đa tam bà phộc
(2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोः समन्त बुद्धानाम् तथगत सम्भवा स्वाम्हा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA SAMBHAVA - SVĀHĀ

_ Chắp hai tay giữa rỗng

Cỏ Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vào trong

Hoả (ngón giữa) hợp Không (ngón cái) cũng vậy

Hợp Địa (ngón út) khiến hơi co



Đây, tên **Như Lai Tạng**

Chân Ngôn là:

43. “**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dã (1) Lam Lam, Lạc Lạc (2)
sa-phộc hạ**”

ॐ नमोः सर्व तथगतैभ्यः रम रम राह राह स्वाम्हा

↳ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ - RAṀ RAṀ _ RAḤ RAḤ - SVĀHĀ

_ Ấn trước tán duỗi Thủy (ngón vô danh)



Tức tên **Đại Kết Giới**

_ Tiếp **Vô Kham Nhẫn Ấn**

Bậc **Đại Lực Đại Hộ**

Liên dùng Ấn Tướng trước

Hỏa (ngón giữa) móc đầu co hợp

Duỗi Phong (ngón trỏ), còn giống trước



Chân Ngôn hai Ấn là:

(Đại Kết Giới):

44. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Lệ lỗ bồ lý, vĩ củ lý vĩ củ lệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् लेल्लुपुरि विकुले

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - LELLUPURI VIKULE VIKULE - SVĀHĀ

_ **Vô Kham Nhẫn Đại Hộ Chân Ngôn** là:

45. “**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tệt (1) tát phộc bội dã vĩ nghiệt đế tệt (2) vĩ thấp-phộc mục khế tệt (3) tát phộc tha (4) Hàm khiếm (5) la khát-xoa ma ha ma lệ (6) tát phộc đát tha nghiệt đa, bôn ni-dã niết tá đế (7) Hồng Hồng (8) Đát-la tra, đát-la tra (9) A bát la để ha để (10) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सर्व तथगतेशुः सर्व भया विगतेशुः विश्व मुक्तेषुः सर्वेषु कं वि रक्ष मन्त्रेषुः सर्व तथगत पुत्र्य विरुगं ॐ ॐ वल वलं मृष(गदगं सुदं

↳ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ HAḤ KHAḤ RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJĀTE HŪM HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHATE SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Phổ Quang Ấn**

Dựa trước, Không (ngón cái) vào Nguyệt (lòng bàn tay)

Mở Phong (ngón trỏ) như phóng quang



_ Chắp tay giữa trông không

Hai Phong (ngón trỏ) giữ cạnh Hỏa (ngón giữa)

Tên **Như Lai Giáp Ấn**



_ Tiếp nối **Nhĩ Hạ Phộc** (Jihva: Như Lai Thiệt)
 Dựa Như Lai Giáp trước
 Không (ngón cái) đè móng hai Thủy (ngón vô danh)
Nhĩ Hạ Phộc Xúc Ấn
 Với Xúc Tập Chân Ngôn



_ **Ngũ Môn**, chắp tay rộng
 Co Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vịn nhau
 Kèm hai Không (ngón cái) hơi co
 Địa (ngón út) Hỏa (ngón giữa) khiến thành ngọn



Hoặc nói co Địa (ngón út) Thủy (Ngón vô danh)
 Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) như ngọn núi
 Mở hai Không (ngón cái) phụ đẩy

_ Năm Ấn bốn Chân Ngôn
 Mỗi một Chân Ngôn là:

_ **Phổ Quang:**

46. “**Năng mạc tam mãn đà một đà nam (1) Nhập-phộc la ma lý nễ (2) đát tha nghiệt đa lật-chỉ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् ज्वाला मालिनी तथैगता अर्चि स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ JVĀLA-MĀLINI TATHĀGATA ARCI _ SVĀHĀ

_ **Như Lai Giáp:**

47. “**Năng mạc tam mãn đà một đà nam (1) bát-la chiến noa (2) phộc nhật-la, nhập-phộc la dã (3) vĩ tát-bồ la, hồng (4)**”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् प्रवृत्त वज्र ज्वाल अक्षरं हूं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ PRACAṆḌA VAJRA-JVĀLA VIŚPHURA _ HŪM

Như Lai Thiệt :

48. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **đ**át tha nghiệt đa nhĩ ha-phộc (2) **t**át đê-dã đạt ma, **b**át-la đê sất-xi đa (3) **s**a-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA _ SVĀHĀ

Như Lai Ngũ :

49. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **đ**át tha nghiệt đa, **m**a ha phộc cật **đ**át-la (2) **v**ĩ thấp-phộc chỉ-nhạ **n**ăng ma hộ na dã (3) **s**a-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TATHĀGATA MAHĀ-VĀKTRA VIŚVA JÑĀNĀM MAHODAYA _ SVĀHĀ

Tiếp Nha đồng Ngũ Môn
Phong (ngón trỏ) co lóng thứ ba
Vào chưởng khiến hợp nhau



Biện Thuyết đồng với Nha
Dời Phong Luân (ngón trỏ) hướng lên
Đặt trên lóng ba Hỏa (ngón giữa)



Chân Ngôn hai Ấn là:

(Như Lai Nha)

50. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **đ**át tha nghiệt đa năng sất-tra-la (2) **s**a la sa ngật-la (3) **t**ham bát-la bác ca (4) **t**át phộc **đ**át tha nghiệt đa (5) **v**ĩ sái dã tham bà phộc (6) **s**a-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TATHĀGATA-DAMṢṬRA RASA RASA AGRA SAṀPRĀPAKA _ TATHĀGATA-VIṢAYA SAṀBHAVA _ SVĀHĀ

Như Lai Biện Thuyết :

51. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **A** chấn đê-dã ná-bộ đa (2) **l**ộ bả phộc tam ma đá, **b**át-la bả-đa (3) **v**ĩ thâu đà, **s**a-phộc la (4) **s**a-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमः ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ACINTYA ADBHUTA RŪPA
VĀK SAMANTA PRĀPTA VIŚUDDHA-SVARĀ SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Phật Thập Lực**

Chắp hai tay giữa rỗng

Co Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào chưởng

Trong Nguyệt (lòng bàn tay) cùng hợp lóng



_ **Niệm Xứ** đồng Thập Lực

Co cả hai Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)

Khiến lóng trên hợp nhau



_ Tiếp bày **Khai Ngộ Ân**

Ân trước, Không (ngón cái) trên Thuỷ (ngón vô danh)

Ngón khác kèm duỗi hợp



_ **Phổ Hiền Như Ý Châu**

Hư hợp (chắp tay giữa rỗng) Phong (ngón trỏ) trên Hỏa (ngón giữa)



_ **Từ Thị Ân** giống trước

Co Phong (ngón trỏ) dưới Hỏa luân (ngón giữa)

_ Lại ở phương Nam kia
 Cứu Thế Phật Bồ Tát
 Đại Đức Thánh Tôn Ấn
 Tên hiệu: **Mãn Chúng** **Nguyện**
Chân Đá Ma Ni Bảo
 Trụ ở trên sen trắng
 Trí Quyền (quyền phải) Phong (ngón trỏ) trụ my (Tam Tinh)



Hai Ấn Phỏ Thông trước
 Ba Chân Ngón ấy là:

_ **Nhất Thiết Bồ Tát:**

57. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc tha (2) vĩ ma đề (3) vĩ
 chỉ la noa (4) đạt ma đà đở, niết-dục nhạ đa (5) tam tam ha (6) sa-phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धाय नमः सर्वथा विमति विकिरण धर्मद्वेषनिर्जितसमसंहा स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KA_ SARVATHĀ VIMATI
 VIKIRANA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAM SAM HĀ SVĀHĀ

_ **Nhất Thiết Chư Phật Tâm:**

58. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc một đà, mạo địa tát
 đát-phộc (2) hột-lý ná dã (3) nại-lý phệ xả nễ (4) nặng mạc tát phộc vị nễ (5) sa-
 phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धाय नमः सर्वबुद्धैः सहस्रं शतं शतं नमः सर्व
 धर्मैः सह

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AM_ SARVA BUDDHĀ
 BODHISATVA HRDAYAM NYĀVEŚANI _ NAMAḤ SARVA VIDE
 SVĀHĀ

_ **Hào Tướng:**

59. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) phộc la nê, phộc phộc (2) bát-
 la ba-đa Hồng (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यग् बुद्धाय नमः वारदे वारप्राप्तसह

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VARADE VARA PRĀPTA
 HŪM - SVĀHĀ

_ Tiếp, ở Thảng phương (phương Bắc) ấy

Liên Hoa Đại Tinh Tiên

Tự Tại Quán Thế Am (Avalokiteśvara)

Hào quang như trăng trong

Thương Khư (Śaṅkha: vỏ ốc màu lông lánh) Hoa **Quân Na** (loại hoa có màu
 trắng tươi)

Ngồi sen trắng, mỉm cười
Kê (búi tóc) hiện **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
_ Bên phải: Đại Danh Xưng
Thánh Giả **Đa La Tôn** (Tārā-nātha)
Màu xanh trắng xen lẫn
Trạng người nữ trung niên
Chắp tay cầm sen xanh
Hào quang tròn soi khắp
Sáng rực như vàng ròng
Áo trắng tươi, mỉm cười
_ Tiếp Tả (bên trái) **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkūti)
Tay rũ lần *Tràng Hạt* (Mālā)
Ba mắt, tóc đỉnh kết
Thân hình như lụa trắng
Màu hào quang không chủ
Vàng, đỏ, trắng cùng vào
_ Tiếp **Đắc Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta)
Mặc áo màu Thương Khư (màu trắng ónh ánh)
Tay hoa sen Đại Bi
Tốt tươi chưa hé nở
Hào quang tròn vây quanh
_ Minh Phi trụ bên cạnh
Hiệu: **Tri Danh Xưng Giả**
Tất cả Diệu Anh Lạc
Trang nghiêm thân sắc vàng
Cầm cành hoa tươi đẹp
Tả (tay trái) cầm **Bát Dận Ngộ** (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)
_ Tiếp, gần Thánh Đa La
Nên quán **Bạch Xứ Tôn** (Pāṇḍara-vāsini)
Mão tóc, áo thuần trắng
Tay hoa **Bát Đàm Ma** (Padma: Hoa sen hồng)
_ Ở trước Thánh Giả, làm
Đại Lực Trì Minh Vương
Màu như ánh nắng sớm
Dùng sen trắng nghiêm thân
Hác dịch thành tóc lửa
Gầm giận lộ răng nanh
Hiện móng vuốt Thú vương
Hạ dã nguyệt lý phộc (Hayagrīva: Mã Đầu)
_ Nghi quỹ của Thân Tướng
Quyền thuộc Đại Tinh Tiên
Tiếp nên bày tám Mật
_ Mười ngón mở ngửa ra
Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau
Đa La (Tārā) Nội Xoa Quyền
Phong (ngón trỏ) như Kim, Không (ngón cái) phụ



Tỳ Câu Chi (Bhṛkūti) Phong (ngón trở) giao



Đại Thế (Mahā-sthāma-prāpta) hợp Thiên Trí (2 bàn tay)
Giống như sen chưa nở



Bạch Xứ (Pāṇḍara-vāsini) đồng Ấn trước
Dời Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) vào Nguyệt (lòng bàn tay)



Mã Đầu (Hayagrīva) tức Ấn trước
Co Phong (ngón trở) dưới Không Luân (ngón cái)
Cách nhau như hạt thóc
Xưng là: **Sa ma tha** (Samatha)
Nâng lên, co Phong Luân (ngón trở)



Địa Tạng (Kṣīti-garbha) đồng Mã Đầu
Duỗi Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trở) dư Quyền (các ngón còn lại nắm quyền)



Mỗi một Chân Ngôn là:

Quán Âm Liên Hoa Bộ Thượng Thủ :

60. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc đát tha nghiệt đa phộc lộ chỉ đa (2) yết lỗ ninh ma dã (3) La La La Hồng nhạ (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SARVA TATHĀGATA AVALOKITA KĀRUṆI MAYA_ RA RA RA HŪM JAḤ_ SVĀHĀ

Đa La Tôn :

61. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đa lệ, đa lệ ni (2) ca lỗ noa nạp-bà phệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TĀRE TĀRIṆI KĀRUṆA UDBHAVE_ SVĀHĀ

Tỳ Câu Chi:

62. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc bà dã đát-la tán nễ (2) Hồng, sa-phả tra dã (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SARVA BHAYA TRĀSANI HŪM SPHAṬYA_ SVĀHĀ

Đắc Đại Thế Chí:

63. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tam tham hạ (2) tát-tha ma bát-la bả-đa (3) Nhiêm nhiêm sa (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SAṀ SA HĀ _ STHĀMA-PRĀPTA JAṀ JAṀ SAḤ_ SVĀHĀ

Gia Thâu Đa La (Yaśodhāra)

64. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Diễm, dã thú đà la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ YAṀ - YAŚODHĀRAYA - SVĀHĀ

Bạch Xứ Tôn :

65. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đa vĩ sái dã (2) tam bà phệ. (3) bát ná-ma ma lý nễ (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE PADMA-MĀLINI - SVĀHĀ

Hà Gia Yết Lợi Bà:

66. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng, khư năng dã bạn nhạ (2) sa-phả tra dã (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सामन्तबुद्धानाम् - हुं क्खदाय भाम्जा
स्फाष्या - स्वाहा

↳ **NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HŪM KHĀDAYA BHAMJA
SPHAṬYA - SVĀHĀ**

Địa Tạng:

67. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hạ Hạ Hạ, tổ đất nở (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सामन्तबुद्धानाम् - हा हा हा - सुतानु -
स्वाहा

↳ **NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HA HA HA _ SUTANU -
SVĀHĀ**

Đã nói Giới Vực đầu

Phương vị các Tôn xong

Đại Tâm Ma Ha Tát

Nên đến Viện thứ ba

Trong phương **Nhân Đà La** (Indra: phương Đông)

Trước an **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī)

Thân tướng màu vàng nghệ (uất kim)

Đỉnh Mão tóc năm Phật

Giống như hình Đồng tử

Tả (tay trái) cầm hoa sen xanh

Trên có *Kim Cương Ấn*

Ngồi sen trắng, mỉm cười

Diệu tướng, hào quang tròn

Tỏa sáng đầy khắp cả

Hữu (bên phải) Quang Võng Đồng Tử (Jālinī-prabha)

Mọi loại Anh Lạc đẹp

Cầm lưới, ngồi sen báu

Mà quán **Con Trưởng Phật**

Tả (bên trái) Vô Cầu Quang Tôn (Vimala-prabha)

Trái phải năm Sứ Giả

Ấy là **Kế Thiết Ni** (Keśini)

Ưu Bà Kế Thiết Ni (Upakeśini)

Chất Đa La (Citrā), **Địa Tuệ** (Vasu-mati)

Thỉnh Triệu (Ākarṣaṇī), năm Sứ Giả

Năm loại Phụng Giáo Giả

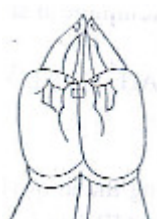
Thị vệ **Vô Thắng Trí** (Vân Thủ Bồ Tát)

Văn Thủ, tay Trí Định (2 bàn tay)

Hợp Hỏa (ngón giữa) để trên Thủy (ngón vô danh)

Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) như *chữ Phộc* (𑖜: VA)

Hợp khí tựa sen xanh



Quang Võng, Định (tay trái) nắm quyền
Co Phong (ngón trỏ) như thể móc



Vô Cấu đồng Ấn trước
Kèm năm Luân (5 ngón tay) hơi co



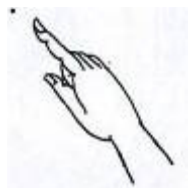
Kê Thiết Ni, Dao Ấn
Tuệ Quyền (quyền phải) dựng Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)



Ưu Bà Thiết Ni, Kịch (Kịch ấn)
Quyền trước duỗi thẳng Hỏa (ngón giữa)



Chất Đa như cầm Trượng (cây gậy)



Địa Tuệ Tràng tay Định (tay trái)
Thành Quyền duỗi Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)



Thỉnh Triệu Đồng Tử Ân

Tuệ Quyền (quyền phải) Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Ba Tôn, năm Sứ Giả
Chân Ngôn nhóm **Thỉnh Triệu**

Văn Thù:

68. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma la ca (2) vĩ mục cật-để, **b**át tha tất-thể đa (3) sa-ma la, sa-ma la (4) **b**át-la để nhiên (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRAKA
VIMUKTI PATHĀ STHITA_ SMARA SMARA PRĀTIJÑĀ _ SVĀHĀ

Quang Vãng:

69. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma la (2) mang tam nghiệt-đa, sa-phộc bà phộc tất-thể đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRA
MĀYĀGATA_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

Vô Cầu Quang:

70. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ củ ma la (2) vĩ tức đát-la nga để củ ma la (3) ma nễ sa-ma la (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE KUMĀRA_ VICITRA
GATI_ KUMĀRAM- ANUSMARA_ SVĀHĀ

Kế Thiết Ni:

71. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma lý kế (2) na da chỉ nễ-dã nan sa-ma la (3) **b**át-la để nhiên (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्मते नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRIKE
DAYĀJÑĀNĀM_ SMARA PRĀTIJÑAM_ SVĀHĀ

Uu Bà Kế Thiết Ni:

72. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tần ná dã chỉ nễ-dã nan (2) Hệ củ mang lý kế (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान बुद्धानाम् भिन्दया अज्ञानाम् हे कुमारीके स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ BHINDHAYA AJÑĀNĀM _ HE KUMĀRIKE _ SVĀHĀ

Chất Đa:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nhĩ lý (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान बुद्धानाम् मिलि चित्रे स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ MILI CITRA _ SVĀHĀ

Tài Tuệ

73. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ lý (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान बुद्धानाम् हिलि स्मारे अज्ञानकेतु स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HILI HE SMARA JÑĀNA-KETU _ SVĀHĀ

Địa Tuệ Tràng:

74. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ sa-ma la nhạ năng kế đồ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान बुद्धानाम् हे स्मारे अज्ञानकेतु स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE SMARA JÑĀNA-KETU _ SVĀHĀ

Triệu Thỉnh Đông Tử:

75. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A yết la-sái dã (2) Tát tông củ lô A nhiên (3) củ ma la tả (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान बुद्धानाम् अकारशया सर्वा कुरु अज्ञानकुमारस्या स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑĀM KUMĀRASYA _ SVĀHĀ

Hành Giả ở phương phải

Trước làm Đại Danh Xưng

Trừ Cái Chướng Bò Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkambhi)

Cầm giữ báu Như Ý

Bỏ ở hai phần vị

Nên đặt Tám Bò Tát

Ấy là **Trừ Nghi Quái** (Kauṭūhala)

Vô Úy (Abhayaṃ-dada), **Trừ Ác Thú** (Apayāṃ-jaha)

Cứ Hộ (Paritrāṇāsayamati), **Đại Từ Sinh** (Mahā-maitriyābhyudgata)

Bi Niệm (Mahā-kāruṇāmrṛḍita), **Trừ Nhiệt não** (Sarva daha-prasāmin)

Nhóm **Bất Tư Nghị Tuệ** (Acintya-mati)

Trừ Cái, hợp Định Tuệ (chấp hai tay lại)

Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) vào chướng (lòng bàn tay)



_ **Trừ Nghi**, Định Tuệ Quyên
Đuỗi Hỏa (ngón giữa) co lóng ba



_ *Tỳ Bát* (Tay phải): **Thí Vô Úy**
Tức tên **Vô Úy Ấn**



_ *Nâng Tuệ* (tay phải) duỗi năm Luân (5 ngón tay)
Là **Trừ Ác Thú An**



_ *Ấn trước đê ở Tim*
Tức tên **Cứu Hộ Tuệ**



_ *Tay Trí* (tay phải) dạng cầm hoa
Đây tức **Đại Từ Sinh**



_ *Tuệ* (tay phải) co Hỏa (ngón giữa) đê Tim
Đấy tên **Bi Niệm Giả**



Trừ Nhiệt Não, tay Tuệ (tay phải)
Dưới tác Thí Nguyễn Ân



Bất Tư Nghị Tuệ Ấn
Tuệ (tay phải) Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) giữ nhau
Dạng **Chân Đà Ma Ni** (Cintāmaṇi: ngọc Như Ý)



Tiếp tập chín Chân Ngôn

Trừ Cái:

76. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) A tát đát-phộc hệ đa tỳ-dữu ô-t
nghiệt đa (2) đát-lam đát-lam, lam lam (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ĀḤ SATVA HĪTA
ABHYUDGATA TRĀM TRĀM RAM RAM SVĀHĀ

Trừ Nghi Quái:

77. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) vĩ ma để xé nặc ca (2) sa-phộc
hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VIMATI CCHEDAKA
SVĀHĀ

Thí Vô Úy:

78. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) A bộ diên ná ná (2) sa-phộc
hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ABHAYAMDĀDA SVĀHĀ

Trừ Ác Thú:

79. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) A tệt đạt la ninh (2) tát đát-
phộc đà đôn (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ABHYUDDHARAṆI SATVA-
DHĀTU SVĀHĀ

Cứu Hộ Tuệ:

80. “**N**ăng mặc tam mẫn đạ một đạ nam (1) Hệ ma hạ ma hạ (2) sa-ma la bát-la để nhiên (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् हे महामहाम् समारप्रतिज्ञाम् स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE MAHĀ MAHĀ _ SMARA PRATIJÑAM_ SVĀHĀ

Từ Sinh:

81. “**N**ăng mặc tam mẫn đạ một đạ nam (1) sa-phộc tái cấu ốt-nghiệt đạ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् स्वचित्त उद्गता स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SVACITTA UDGATA_ SVĀHĀ

Bi Niệm:

82. “**N**ăng mặc tam mẫn đạ một đạ nam (1) ca lỗ ninh một-lệ ni đạ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् करुणामृदिताम् स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KĀRUṆĀMRDITA_ SVĀHĀ

Trừ Nhiệt:

83. “**N**ăng mặc tam mẫn đạ một đạ nam (1) Hệ phộc la ná phộc la (2) bát-la ba-đạ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् हे वारदा वारप्रप्ताम् स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE VARADA_ VARA PRĀPTA_ SVĀHĀ

Bất Tư Nghị Tuệ:

84. “**N**ăng mặc tam mẫn đạ một đạ nam (1) tát phộc xả bả lý bố la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् सर्वे असा परिपूरकाम् स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SARVA AŚA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

Hành Giả ở Thắng phương (phương Bắc)

Địa Tạng Ma Ha Tát (Kṣiti-garbha-bodhisatva-mahāsatva)

Đất nhiều báu xen lẫn

Bốn báu làm hoa sen

Khéo nghiêm lệ *Thai lửa* (Diễm Thai)

Thánh Giả ở trong đó

Cùng vô lượng Bồ Tát

Bảo Chương (Ratnākara) và **B**ảo Thủ (Ratnapāṇi)

Trì Địa (Dharaṇimdhāra) **B**ảo Ấn Thủ (Ratnamudra-hasta-mudra)

Với **Ph**át **K**iên **C**ố **Ý** (Dṛḍhādhyāśaya)

Ấn đầu (Địa Tạng Kỳ Ấn), Trí Định Quyền (hai tay nắm quyền)

Mở thẳng hai Hòa Luân (2 ngón giữa)



Bảo Xứ, Tuệ thành quyền (Quyền phải)
 Duỗi bung tán ba Luân (ngón út, vô danh, giữa)



Bảo Thủ, dùng quyền Trước
 Thu ngón khác, duỗi Thủy (ngón vô danh)



Định Tuệ (2 tay) cùng hợp lưng
 Không (ngón cái) Địa (ngón út) trợ giữ nhau
 Đây là **Tri Địa Ấn**



Dùng Ngũ Cổ Kịch trước
 Tức tên **Bảo Ấn Thủ**
 Như **Kim Cương Kịch** trước
 Đây tên Ấn thứ sáu



Mỗi một chân Ngôn là:

Địa Tạng:

85. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) hạ hạ hạ, vĩ sa-ma duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् ह्य ह्य ह्य विसमये

ॐ **NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HA HA HA VISMAYE_ SVĀHĀ**



_ **Ấn tiếp** (Hư Không Vô Cấu), Phong (ngón trỏ) đè Không (ngón cái)
Hợp Định Tuệ (2 bàn tay) bằng nhau



_ Tiếp ba, **Hư Không Tuệ**
Ấn dùng Chuyển Pháp Luân



_ Tiếp bốn (Thanh Tịnh Tuệ Ấn), dùng **Thương Khư** (Śaṅkha: Loa Ấn)



_ **Hành Tuệ** hợp hai Vũ (hai bàn tay)
Ngửa sáu ngón như sen (2 vô danh, 2 giữa, 2 trỏ)



_ **An Tuệ** đồng Văn Thù



Tám Ấn với Chân Ngôn
Thứ tự mà xưng tụng
Mỗi một Chân Ngôn là:

Hư Không Tạng:

91. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A ca xá tam mãn đa nỗ nghịet đa (2) vĩ tức đất-lam, phộc la đạt la (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः अकारं वरं वरं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀM VARA DHARA_ SVĀHĀ

Vô Cấu:

92. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nga nga năng nan đa ngu tả la (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः गगनं गगनं गगनं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA ANANTA GOCARA_ SVĀHĀ

Hư Không Tuệ:

93. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tác ngật-la phộc lợi-để (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः चक्रं वरुणं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ CAKRA VARTTI_ SVĀHĀ

Thanh Tịnh Tuệ:

94. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Đạt ma tam bà phộc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः धर्मं संबभूव स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHARMA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

Hành Tuệ:

95. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bát đàm-ma la dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः पद्मं अलायं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PADMA ALAYA_ SVĀHĀ

An Trụ Tuệ:

96. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) nhạ nỗ ốt-bà phộc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ज्ञानं उद्भव स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JÑĀNA UDBHAVA_ SVĀHĀ

Xuất Hiện Trí:

97. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc nhật-la, tất-thể la, một đệ (2) bố la-phộc phộc, đất-ma, mãn đất-la, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः वज्रं स्थिरं बुद्धं पूर्ववत् स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAJRA-STHIRA BUDDHE PŪRVARA-ATMA MANTRA SARA_ SVĀHĀ

Liên Hoa:

98. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Câu phộc lệ dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम कुवलया स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KUVALAYA _ SVĀHĀ

_ *Cháp Xứ*: (cầm chày)

hạ”

99. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc nhật-la ca la (2) sa-phộc**

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम वज्रकरा स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ VAJRA KĀRA _ SVĀHĀ

_ Tiếp bên phải Đài Hoa

Phương trái của **Đại Nhật** (Vairocana)

Năng Mãn Nhất Thiết Nguyện

Trì Kim Cương Tuệ Giả [Đây chính là **Kim Cương Thủ** (Vajrapāṇi)]

Màu hoa *Bát Dụng Ngô* (Priyaṅgu: màu vàng nhạt)

Hoặc như báu xanh lục (Lục Bảo)

Đầu đội mào trên bảo

Anh Lạc trang nghiêm thân

Xen lẫn cùng tô điểm

Số rộng nhiều vô lượng

Tả (tay trái) cầm **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Kim Cương)

Chung quanh tỏa ánh lửa

_ Bên phải **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha)

Bộ Mẫu **Mang Mãng Kê** (Māmaki)

Cũng cầm chày Kiên Tuệ

Dùng Anh lạc trang nghiêm thân

_ Bên trái (Māmaki) **Kim Cương Châm** (Vajra-sūci)

Chúng **Sứ Giả** (Ceta) vây quanh

Mím cười cùng chiêm ngưỡng

_ Tiếp phải, **Thương Yết La** (Śaṅkala)

Cầm cái khóa Kim Cương

Cùng các **Sứ Tự Bộ**

Thân tướng màu vàng lợt

Chày Trí làm Tiêu Xí (vật biểu tượng)

_ Tiếp ở dưới Mãn Nguyện

Phần Nộ Giáng Tam Thế (Krodha-trailokya-vijaya)

Hiệu là **Nguyệt Yểm Tôn** (Candratilaka) [Đây chính là Vajrahūṃkara]

Ba mắt lộ nanh bén

Màu mây mưa mùa hạ

Báu Kim Cương, Anh Lạc

Tiếng cười **A Tra Tra** (Aṭṭa)

Nhiếp hộ mọi chúng sinh

Vô lượng chúng vây quanh

Cho đến trăm ngàn tay

Cầm nắm mọi khí giới

Nhóm **Phần Nộ** như vậy

Đều trụ trong Hoa Sen

Phương Nam **Hội Mãn Nguyện**

Năm Đại Trì Minh Vương

_ Ấn đầu (Chấp Kim Cương Ấn): Nội Xoa Quyền

Dụng Hỏa (ngón giữa), Phong (ngón trỏ) như Câu (móc câu)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau



Bộ Mẫu (Mang Mãng Kê Ấn): Địa (ngón út) Không (ngón cái) nhập (ở bên trong)

Còn lại đều giống trước

Ngoại phộc (cài buộc bên ngoài) dụng Phong Luân (ngón trỏ)



Kim Cương Châm Mật Khế



Tỏa Khế, tay Phước Trí (2 bàn tay)

Móc ngược hướng Thân buộc

Duỗi Định Trí (ngón cái trái) để trên



Nguyệt Yêm: Không (ngón cái) phụ Phong (ngón trỏ)

Kèm duỗi chằng dính nhau



Mỗi một Chân Ngôn là:

_ **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) là **Thượng Thủ** (Paramukha) của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya)

Đặt Tim, tập **Minh Cú** (Vidya-pādam)
_ **Trì Địa**, tay Định Tuệ (2 bàn tay)
Cài ngược đều dính nhau
Địa (ngón út) Không (ngón cái) để lên nhau



_ **Nhất Thiết Kim Cương Trì** (Sarva Vajradhāra)
Giống **Khế Trì Địa** trước
Tất cả vị **Phụng Giáo** (Parivara)
Phước Trí Quyên như trên
Các Kim Cương như trên
Sắc hình đều khác biệt
Tỏa hào quang tròn khắp
Ở dưới Chân Ngôn Chủ

_ Y phương **Niết Ly Đê** (Nṛti: phương Tây Nam)
Bất Động Như Lai Sư
Tuệ (tay phải) Dao, Định (tay trái) sợi dây
Đỉnh tóc rũ vai trái
Nheo một mắt quán sát
Thân uy nộ rực lửa
Trụ ở bàn đá báu
Vấn trán dọn như sóng
Thân Đồng Tử khỏe mạnh
Bậc Cự Tuệ như vậy
Trì Ấn bày **Chủng tử** (Bīja)
Mười chín chuyển thành Thân
Tất cả **Trời** (Deva), **Tô Lạc** (Asura)
Không dám nhìn thẳng vào

_ Phong phương (phương Tây Bắc) Phần Nộ Tôn
Ấy là **Thắng Tam Thế** (Trailokya Vijaya)
Lửa uy mãnh vây quanh
Mão báu, cầm Kim Cương
Chủng tử, chuyển trăm tám (108)
Mà thành Thân Phần Nộ
Chẳng tiếc Thân Mệnh mình
Chuyên cầu thỉnh, thọ Giáo
Bất Động Ấn như trên
Tam Thế Thắng giống trên
Kim Cương Tuệ Nguyệt Yểm

Chân Ngôn Chủ, Quyển Thuộc
Bảy Đại Kim Cương Sứ
Mỗi một Chân Ngôn là:

Phụng Giáo:

105. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A vĩ sa-ma dã ninh duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमः शशि सम्यक् वृक्षं नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - AVISAMAYA NIYE - SVĀHĀ

Kim Cương Quyển:



106. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) tát-phả tra dã (2) phộc nhật-la tam bà phệ (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमः शशि सम्यक् वृक्षं नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - SPHAṬAYA VAJRA SAMBHAVE - SVĀHĀ

Trì Địa:

107. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) đạt la ni đạt la (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमः धरणि धरि नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - DHARAṆI-DHĀRA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Trì Kim Cương:

108. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hồng Hồng Hồng (2) phả-tra, phả-tra, niêm niêm (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमः हूं हूं हूं नमः फट् फट् फट् नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - HŪM HŪM HŪM - PHAṬ PHAṬ PHAṬ - JAM JAM - SVĀHĀ

Nhất Thiết Phụng Giáo:

109. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hệ Hệ, chỉ nhĩ la dã tế (2) Ngật-lý hận-noa, Ngật-lý hận-noa (3) khư năng, khư năng (4) bát-lý bố la dã (5) tát phộc chỉ ca la noãn (6) tát phộc bát-la đề vĩ nhiên (7) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमः हे हे शशि सम्यक् वृक्षं नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - HE HE - KIMCIRĀYASI GRHṆA GRHṆA - KHĀDA KHĀDA - PARIPŪRAYA - SARVA KIMKARĀṆAM - SVĀPRATIVIJÑĀM - SVĀHĀ

Bất Động:

110. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa, ma hạ lộ sái noa (2) sa-phả tra dã (3) Hồng, đát-la tra (4) Hám Hàm (5) sa-phộc hạ**”

नमः समान् वज्रान् वृक्षान् च मन्त्रान् मूल्यान् च वृक्षान् च मन्त्रान् च
↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA
SPHAṬYA HŪM TRĀṬ - HĀM MĀM - SVĀHĀ

Thăng Tam Thế:

111. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hạ Hạ Hạ (2) vĩ sa-ma
duệ (3) tát phộc đát tha nghiệt đa vĩ sái dã tam bà phộc (4) Đát-lạt lộ chỉ-dã, vĩ
nhạ dã (5) Hồng nhạ (6) sa-phộc hạ”

नमः समान् वज्रान् वृक्षान् च मन्त्रान् मूल्यान् च वृक्षान् च मन्त्रान् च
मन्त्रान् च वृक्षान् च मन्त्रान् च मन्त्रान् च मन्त्रान् च मन्त्रान् च

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - HA HA HA VISMAYE -
SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA - TRAILOKYA-VIJAYA - HŪM
JAḤ - SVĀHĀ

_ Phương Đông, trong cửa đầu

Thích Ca (Śākya-muṇi) ngồi sen trắng

Băm hai (32 Tướng tốt) màu vàng tía (Tứ Kim sắc)

Y phục, áo **cà sa** (Kāṣā)

Làm Giáo lệnh lưu bố

Trụ ở đây nói Pháp

Chúng Tam Muội vây quanh

_ Tiếp, bên phải Mâu Ni

Hiện bày **Biển Tri Nhân** (Buddha-locana)

Tướng vui tươi mỉm cười

Khấp thể, sáng tròn sạch

Vui nhìn Thân Vô Tỷ (Không thể so sánh)

Tên là **Năng Tịch Mẫu** (Śākyamuṇi-Mātr)

_ Lại bên phải Thế Tôn

Đặt ở **Hào Tướng Minh** (Tathāgatorṇā)

Trụ hoa Bát Đầu Ma (Padma: hoa sen hồng)

Viên quang (Hào quang tròn) màu Thương Khur (màu trắng lóng lánh)

Cầm giữ báu Như Ý

Mãn túc mọi ước nguyện

Ánh sáng Đại Tinh Tiến

Thích Sư Tử Cứu Thế (Śākya-siṃhena-tāyina)

_ Bên trái năm Phật Đỉnh

Bạch Tản (Sitātapatroṣṇīṣa), **Thắng** (Jayoṣṇīṣa), **Tối Thắng** (Vijayoṣṇīṣa)

Hỏa Quang Tụ (Tejoraśi-uṣṇīṣa), **Trừ Chướng** (Vikiraṇoṣṇīṣa)

Thích chủng (hạt giống của Thích Ca) của **Đại Thừa** (Mahā-yāna)

Lại bên trái **Hào Tướng** (Ūrṇā)

Đặt để ba Phật Đỉnh

Quảng Đại (Mahodgatoṣṇīṣa), **Cực Quảng Đại** (Abhyudgatoṣṇīṣa hay
Atimahā-uṣṇīṣa)

Cùng với **Vô Biên Thanh** (Anantasvaraghosa-uṣṇīṣa)

Cần phải ở nơi ấy

Tinh Tiến một lòng tạo

Năm Trước: Trắng, vàng, vàng (vàng chói)

Tiếp ba: Trắng, Vàng, Đỏ

Quyển thuộc của Thích Ca
Mười hai Đại Sĩ Ấn
Mâu Ni: Tướng Thuyết Pháp
Tay Trí (tay phải) Ấn Cát Tường

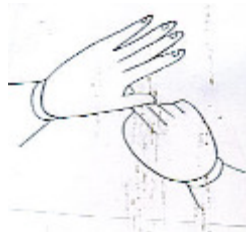


Mẫu Ấn đồng Phật Đỉnh
Gọi khác: Kim Cương Tiêu

Hào Tướng: dựng Trí Quyền (quyền phải)
Phong tiết (lóng tay của ngón trỏ) đặt trên My (Tam Tinh)



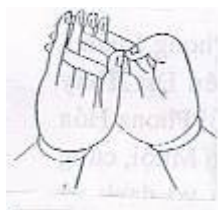
Bạch Tản: dựng Tuệ Phong (ngón trỏ phải)
Định chương (lòng bàn tay trái) che như lọng



Thắng Đỉnh: Dao Ấn trước



Tối Thắng Ấn đồng Luân



_ Hỏa Tụ đồng Phật Đỉnh



_ Xả Trừ: Trí thành Quyên (Quyên phải)
Cồng Phong (ngón trỏ) như móc câu



_ Quảng Đại Phát Sinh Đỉnh
Cùng dùng Liên Hoa Ấn



_ Cực Quảng Phát Sinh Đỉnh
Ấn Ngũ Cổ Kim Cương



_ Thủy (ngón vô danh) vào, Thiên Trí (2 ngón cái) hợp
Cồng Phong (ngón trỏ) giữ giữa Hỏa (ngón giữa)
Trên lóng dưới một mạch (hạt lúa mì)



Vô Biên Âm Thanh Đỉnh
 Thân Ấn đồng **Thương Khư** (Śaṅkha: loa)



Nhất Thiết Phật Đỉnh Ấn
 Tay Tuệ (tay phải) chụm 5 ngón (đầu ngón tay)
 Đặt ngay trên đỉnh đầu



Mỗi mỗi Chân ngôn là:

Thích Ca:

112. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc khát-ly xá nễ tổ nại năng (2) tát phộc đạt ma phộc thủy đa, bát-la ba-đa (3) nga nga năng tam ma tam mê (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तस्मै शिष्यै शिष्येभ्यः नमः वर्यै वर्यैः प्रभुभ्यो नमः सम्यक्सम्भवे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVA KLEŚA NIRSUḌANA SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA GAGANA SAMA ASAMA SVĀHĀ

Phật Mẫu:

113. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) một đà lộ tả nễ, phộc nỗ la ma, đạt ma tam bà phộc, vĩ ca năng, tam tham, sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः बुद्धलोकानि वानुराम वानुरामैः शिष्यैः नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - BUDDHA-LOCANI VANURAMA DHARMA-SAMBHAVA VIKANA SAM SAM - SVĀHĀ

Hào Tướng:

114. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ác, ngân, nhạ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः शुक्रेभ्यः नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AḤ HAḤ JAḤ - SVĀHĀ

Bạch Tân:

115. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Lam, tất đất đa bát đất-la, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धायं तं (सम्यग् बुद्धायं सुद्धं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ LAM_ SITĀTAPATRA-
UṢŪṢĀ _ SVĀHĀ

Thắng Đỉnh:

116. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thêm nhạ dữu, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धायं तं सय्युष्यं सुद्धं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚAM - JAYA-UṢŪṢĀ -
SVĀHĀ

Tối Thắng:

117. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thí tử vĩ nhạ dữu ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धायं तं शिसिं विजययुष्यं सुद्धं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚISĪ - VIJAYA-UṢŪṢĀ -
SVĀHĀ

Hỏa Tự:

118. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đất-lãng-án, đế nho la thí, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धायं तं त्रिमं तेजराशि युष्यं सुद्धं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TRĪM - TEJORASĪ UṢŪṢĀ -
SVĀHĀ

Xả Trừ:

119. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) hạ-lỗ-án, vĩ chỉ la noa, bán tổ ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धायं तं विकिरणं पञ्च युष्यं सुद्धं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HRŪM - VIKIRANA PAṂCA
UṢŪṢĀ - SVĀHĀ

Cực Quảng:

120. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tra-lỗ-án, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धायं तं त्रुं युष्यं सुद्धं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TRŪM - UṢŪṢĀ - SVĀHĀ

Quảng Đại:

121. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thất-lỗ-án, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यग् बुद्धायं तं श्रुं युष्यं सुद्धं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚRŪM - UṢŪṢĀ - SVĀHĀ

Vô Biên Âm:

122. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng, nhạ dữu, ồ sất nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम हुं ह्य जय उष्णिषा -

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HŪM JAYA UṢṆĪṢA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Phật Đỉnh:

123. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) noan noan noan, hồng hồng hồng, phát-tra (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम वं वं वं हुं हुं हुं फट् फट् फट्

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAṂ VAṂ VAṂ - HŪM HŪM HŪM - PHAṬ - PHAṬ - PHAṬ - SVĀHĀ

_ Tiếp ở nơi Thắng phương (phương Bắc)

Ăn bày chúng **Tĩnh Cư** (Śuddhāvāsa)

Tự Tại (Īśvara) cùng **Phổ Hoa** (Samanta-kusuma)

Quang Man (Prabhamāla) với **Ý Sinh** (Manojava)

Tên gọi nhóm **Viễn Văn**

Đều theo thứ tự ấy

_ Tay Tuệ (tay phải) nâng gò má



_ **Phổ Hoa**, như Tự Tại

Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) sai lệch khác



_ **Quang Man Ẩn** như trước

Sửa Không (ngón cái) ngay trong chưởng



_ **Mãn Ý Sinh Thiên Tử**

Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) như cầm hoa



Biến Âm Thanh Thiên Ân

Trí (tay phải) Không (ngón cái) để trên Thủy (ngón vô danh)
Duỗi che Tuệ Nhĩ môn (lỗ tai trái)



Năm Trời và Quyển Thuộc

Thứ tự tập Chân Ngôn

Tự Tại Thiên:

124. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) An, bá la nễ đát-ma la để tỳ-dược (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ ह्रीं अनामिकाय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - OM- PURANITMA RATIBHYAḤ - SVĀHĀ

Phổ Hoa:

125. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ma nỗ la ma (2) đạt ma, tam bà phộc (3) ca thác ca thác năng (4) tam tham mang sai nê (5) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः मन्त्राय नमः धर्माय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAṆORAMA DHARMA SAMBHAVA - KATHĀ KATHĀNA - SAṂ SAṂ MABHANE - SVĀHĀ

Quang Man:

126. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tả đố ỏ-xá tả nan (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः शुक्रेय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - JATUYASYANA - SVĀHĀ

Mãn Ý Sinh Thiên Tử:

127. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A, Ân, khả ninh xỉ tỳ-dược (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः अनामिकाय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः ॐ ह्रीं शुक्रेय नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - A - OM - HANAṬĪBHAYAḤ - SVĀHĀ

Biến Âm Thanh Thiên:

128. “**Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) An, A bà sa-phộc lệ tỳ-duợc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोः सान्तानुधनं अणुः सान्तानुधनं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - OM - ĀBHASVĀREBHYAḤ - SVĀHĀ

— Hành Giả, góc Đông Nam

Tạo làm Tượng **Hỏa Tiên** (Agni-ṛṣī)

Trú ở trong lửa mạnh

Ba điềm tro, tiêu biểu

Sắc thân đều đỏ thẫm

Tim đặt **Ấn Tam Giác**

Tạo làm trong tóc lửa

Tuệ (tay trái) **châu** (viên ngọc), Định (tay phải) **Táo Bình**

Chưởng Ấn, Định (tay trái) cầm Trượng (cây gậy)

Ngồi trên lưng Dê xanh

Phi Hậu hầu hai bên (phải, trái)

Phộc Tư Sát Xá Tiên (Vasiṣṭa-ṛṣī)

Với các *Tiên chúng* khác

Mà dùng làm quyền thuộc

Phương trái, **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja)

Tay giữ Ấn **Đàn Noa** (Daṇḍa: Quyền Trượng)

Ngồi trên lưng con trâu

Màu mây đen chớp loé

Bảy Mẫu (Sapta-māṭṛ) cùng **Hắc Dạ**. (Kāla-rāṭṛ)

Tử Hậu Phi (Vợ của Tử Thân) vây quanh

Phán Quan, các Quỷ thuộc

Hàng Quyền Thuộc vây quanh

— **Hỏa Thiên**, Thí Vô Úy

Đại Không (ngón cái) ngang trong chưởng

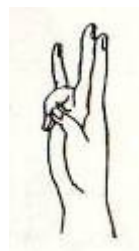
Thỉnh Triệu, Tuệ Phong (ngón trỏ phải) câu (móc câu)



— Năm Khế nhóm **Phộc Tư** (Vasiṣṭa-ṛṣī)

Không (ngón cái) giữ vãn hai Thủy (vạch thứ hai của ngón vô danh)

Thứ tự mở bày khắp



Diễm Ma, hợp Phước Trí (2 bàn tay)
 Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)



Bảy Mẫu, Tam Muội Quyền (Quyền trái)
 Rút Không (ngón cái) Kiên Chùy Ấn



Ám Dạ đồng Ấn trước
 Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) đều kèm duỗi



Diễm Ma Hậu Phi Đạc (Ấn)
 Tay Tuệ (tay phải) rữ năm Luân (2 ngón tay)
 Giông như tướng **Kiện Tra** (Ghamṭa: cái chuông)



Mỗi Chân ngôn ấy là:

Hỏa Thiên:

129. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A **n**ghĩ-**n**ăng duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम अग्नेये स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĀYE - SVĀHĀ

Phi Hậu:

130. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A **k**hởi nễ duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम अग्नेये स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĪYE - SVĀHĀ

Phộc Tư Tiên:

131. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) Phộc tử sắt-xá lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं वसिष्ठं वसुदेवं सुतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VASIṢṬA-RṢIṀ - SVĀHĀ

A Diệt Lý Tiên:

132. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ác đễ-la dã, ma hạ lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं अत्रेयं महाः सुतं वसुदेवं सुतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ATREYA MAHĀ-RṢIṀ - SVĀHĀ

Kiều Đáp Ma :

133. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bà-lý thâu đất-ma ma ha lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं भृगुं महाः सुतं वसुदेवं सुतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - BHRGAUTAMA MAHĀ-RṢIṀ - SVĀHĀ

Nghiệt Lật Già:

134. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Kiều đáp-ma ma hạ lật-sam (2) nghiệt lý-già, sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं गार्ग्यं महाः सुतं वसुदेवं सुतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAUTAMA MAHĀ-RṢIṀ - GARGHA - SVĀHĀ

Diêm La Thiên:

135. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phệ phộc sa-phộc đa dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं वैवस्वतं सुतं वसुदेवं सुतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAIVASVATĀYA - SVĀHĀ

Bấy Mẫu:

136. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ma đất-lý tỳ dục (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं मत्तृभ्यां सुतं वसुदेवं सुतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MĀTRBHYAḤ - SVĀHĀ

Ám Dạ:

137. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ca la la đất lý duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं कालाः सुतं वसुदेवं सुतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - KĀLA-RĀTRĪYE - SVĀHĀ

Phán Quan:

138. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Chi đất-la ngu bát-đa dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सिद्धयुक्त्यै नमः ॐ नमः ॐ

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - CITRA- GUPTĀYA - SVĀHĀ

Niết Li Đế Quỷ Vương (Nṛti-rāja)

Hiệu là **Đại La Sát** (Mahā-rākṣasa)

Cầm đao, hình dáng sợ

Thân Ấn đồng **Yết Nga** (Khaḍga: Đao Ấn)



Các Lạc Sát sa (Rākṣasa) ấy

Hư hợp (chấp 2 tay giữa rỗng) Thủy (ngón vô danh) vào chưởng

Dụng Phong (ngón trỏ) giao Không (ngón cái) Hòa (ngón giữa)



Mỗi Chân Ngôn ấy là

La Sát Chủ:

139. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) la-khất-sát sa địa bả đa duệ (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः एकस्यै नमः ॐ नमः ॐ

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASA ADHIPATAYE - SVĀHĀ

Sát Tư :

140. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) lạc khát-xoa sa (2) nga nê nhĩ (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः एकस्यै नमः ॐ नमः ॐ

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASI GAṆIMI - SVĀHĀ

Trưởng Huynh:

141. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) ngật-la ca lệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः करैः ॐ नमः ॐ

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - KRA KARE - SVĀHĀ

Chúng:



_ **Biện Tài** tức **Diệu Âm** (Sarasvati)
Tuệ Phong (ngón trỏ phải) giữ ở Không (ngón cái)
Hương Thân đưa qua lại
Vận động như tấu nhạc
Thiên âm, **Phí Noa Ấn** (Viṇa-mudra)



_ **Tỳ Nữ** (Viṣṇu) tức **Na Diên** (Nārāyaṇa)
Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) vịn Phong (ngón trỏ)
Dùng đây, làm sai khác



_ Tiếp, bên phải Thủy Thiên
Tắc Kiến Phiên Đồng Tử
Ba đầu cỡi chim Công (Khổng Tước)
Thương Yết La, Kịch Ấn
Định (tay trái): Không (ngón cái) đặt lên Địa (ngón út)
Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) hình Kịch (cây kịch)



Hậu Ấn, Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út)



Phi Ân mở ba Luân (3 ngón tay)



_ Tiếp phía Nam cửa Tây

Quyền thuộc của **Nguyệt Thiên** (Candra-deva)

Hai mươi tám Tú Thần

Nhóm Cung Thần vây quanh

_ **Nguyệt Thiên** cỡi Hạc Trắng

Thân Ân, tay Tam Muội (tay trái)

Không (ngón cái) đặt ở trên Thủy (ngón vô danh)



Nhân tác Khiết Bạch Quán (quán sát trắng tinh khiết)

_ Tất cả **Tứ Diệu Ân**

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chương) Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) giao



_ Tức trong phòng queo trước

Vô Thẳng (Dardharsa: Nan Phá) Tam Muội Quyền (quyền trái)

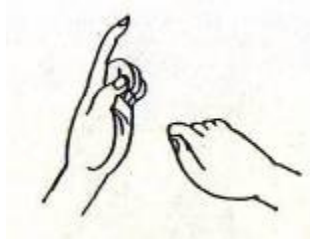
Nâng giúp mở bung Luân (ngón tay)

Trí Quyền (quyền phải) đuổi Tuệ Phong (ngón trở phải)

Giống như thế Tương Nghĩ (Cùng tính toán)



Đối nhau nâng Tuệ Quyền (quyền phải)
Dạng như thể đánh nhau
Tức **A Tỳ Mục Khư** (Abhimukha)



Tiếp ngoài, **Thắng** với **Phi**
Trí (tay phải) cầm sen (hoa sen) tại tim
Đuôi Định (tay trái) hướng ngoài chia
Tức tên **Vô Năng Thắng**



Tiếp bày **Thắng Phi Ấn**
Phước Trí (2 tay) trong nắm quyền
Co Không (ngón cái) như cái miệng



Hai Rồng Tả Hữu chưởng (chưởng trái, chưởng phải)
Hỗ trợ đè lên nhau



Phộc Dữu (Vāyu: Phong Thiên) Phong Thiên Tràng (cây phượng)
Trí quyền (quyền phải) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)
Tương quán làm Phong Tràng (cây phượng gió)



Tất cả các quyền thuộc
Vây chung quanh Phong Thiên
Mỗi Chân Ngôn ấy là:

Chư Long:

143. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A bá bả đa duệ (2) minh già
xả nễ duệ (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः प्रसन्नं नमः प्रसन्नं नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - APĀMPATAYE -
MEGHĀŚANĪYA - SVĀHĀ

Địa Thần:

144. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bả-lý thể vĩ-duệ (2) sa-phộc
hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः पृथिव्यै नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - PṚTHIVYAI - SVĀHĀ

Diệu Âm:

145. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) sách la sa-phộc đế-duệ (2) sa-
phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सरस्वत्यै नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - SARASVATYAI - SVĀHĀ

Na La Diên”

146. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ sắt-noa phệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः विष्णवे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIṢṆUVE - SVĀHĀ

Hậu:

147. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ sắt-noa nhĩ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः विष्णवे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIṢṆEVI - SVĀHĀ

Nguyệt Thiên:

148. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) chiến nại-la dã (2) sa-phộc
hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः चन्द्राय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - CANDRĀYA - SVĀHĀ

Nhị Long:
155. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ô ba nan na dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् उपानन्दाय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - UPANANDĀYA - SVĀHĀ

Phong Thiên:
156. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phộc dã phệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् वायवे स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VĀYAVE - SVĀHĀ

__ Tiếp ở nơi **Thắng phương** (phương Bắc)

Cửa Bắc, **Đa Văn Thiên** (Vaiśravaṇa)

Trái, phải tám anh em

Mẫu với hàng **Tổ Mẫu**

Cát Tường Công Đức Thiên

Vạn Thắng Độc Dũng Kiện

Hàng quyền thuộc nam nữ

Đa Văn Thân Mật Ấn

Trí Định (2 bàn tay) hợp giữa rỗng (Hư Tâm hợp chuông)

Hai Địa (2 ngón út) vào chuông giao

Dụng Không (ngón cái) trụ cạnh Phong (ngón trỏ)

Một thôn chằng chạm nhau



Chân Ngôn là:

157. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phệ thất-la phộc noa dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् वैश्रवाणाय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAISRAVANĀYA - SVĀHĀ

__ Tiếp Tả (bên trái) Đại Dược Xoa

Định Tuệ (2 tay) Nội Xoa Quyền

Dụng Thủy (ngón vô danh) co hai Phong (2 ngón trỏ)



Nhất Thiết Dược Xoa Nữ

Ấn trước duỗi hỏa Luân (ngón giữa)
Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự giữ nhau



Giá Văn Trà (Cāmuṇḍa) Định Quyền (Quyền trái)
Ngửa giữ **Kiếp Ba La** (Kapāla: đầu lâu)



Cửa Đông Tỳ Xá Già (Piśāca)
Nội Phộc, duỗi ở Hỏa (ngón giữa)



Ấn trước co Hỏa Luân (ngón giữa)
Túc tên **Tỳ Xá Chi** (Piśāce)



Mỗi Chân ngôn ấy là

Nhất Thiết Dược Xoa:

158. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) dược ngật-xoa thấp-phộc la
(2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम् यक्षेश्वर स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - YAKṢEŚVARA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Dược Xoa Nữ :

159. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) dược khát-xoa vĩ nễ-dã đạt lệ
(2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो सामन्तबुद्धास्तु यक्षोर्विन्द्यादलेश्वर स्वहा

Tân Na Dạ Ca Thiên:

169. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ nga noa bả đá duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम महानामपातये स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-GAṆA-PATĀYE - SVĀHĀ

__ Tiếp đi đến phương đầu (phương Đông)

Cửa Đông, **Đế Thích Thiên** (Śakra)

An trú **núi Diệu Cao** (Sumeru)

Mão báu, đeo Anh lạc

Tay cầm **Độc Cổ Ấn**

Thiên Chúng tự vây quanh

__ Tả (bên trái) để chúng **Nhật Thiên** (Āditya-deva)

Trong xe tám ngựa kéo

Hai Phi hầu trái phải

Thệ Gia (Jaya), **Tỳ Thệ Gia** (Vijaya)

Dịch là **Thắng, Vô Thắng**

Quyền thuộc bày **Chấp Diệu** (Grahā)

Áng Già (Āditya: Nhật Diệu) ở trái phải

Thâu Già (Soma: Nguyệt Diệu) ở phía Đông

Bột Đà (Budha: Thủy Diệu) ở phía Nam

Vật Lạc Tát Bát Đễ (Vṛhasvati: Mộc Diệu)

Đặt ở Bắc Nhật Thiên

Thiết-Nãi Thiết Già (Śanaiścara: Thổ Diệu) Đông Nam

La Hầu (Rahu) tại Tây Nam

Kiểm Bà (Śukra: Kim Diệu) tại Tây Bắc

Kế Đô (Ketu) tại Đông Bắc

Niết Già Đa (Nirjāta) Thiên Cầu

Ở Bắc của Bắc vĩ

Ốt Già Bả Đa Hỏa (Aṅgaraka: Hỏa Diệu)

Ma Lợi Chi (Marīci) đi trước

Theo hầu mà Thị Vệ

__ **Đại Phạm** (Mahā-brahma) hữu (bên phải) **Đế Thích** (Indra)

Ngồi trên xe bảy ngỗng

Bốn mặt, mão tóc kết

Bốn tay, Tuệ (tay trái) cầm hoa

Tiếp Tuệ (tay trái) cầm Sỏ châu (tràng hạt)

Định trên (tay phải) cầm Quân Trì

Định dưới (tay phải) tay nghiêng chuông

Co Phong (ngón trở) còn lại duỗi

Tịnh Hạnh Cát Tường Ấn

Đều là Ấn chữ ÁN

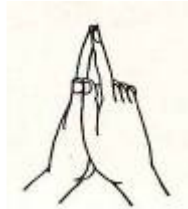
__ **Ma Lợi Chi**, binh báu

Tay Định (tay trái) rỗng, nắm quyền

Trong tất cả các nạn
Tưởng Thân vào trong ấy
Trí chưởng (lòng bàn tay phải) mà che đi
Mắt Trời Người chẳng thấy



_ **Tứ Thiên Thiên** tại Tả (bên trái)
_ **Vô Nhiệt Ngũ Tinh Hữu** (bên phải)
_ **Thích Ấn**, Nội Phộc quyền
_ Dựng hai Phong (2 ngón trỏ) như chày



_ **Nhật Thiên**, Phước Trí (2 tay) Không (ngón cái)
_ **Đều đề cạnh Thủy Luân** (ngón vô danh)
_ **Hiện hiện đỉnh cạnh nhau**
_ Ngựa như hình Xa lạc (cái xe)



_ **Xã Gia** (Jaya) **Tỳ Xã Gia** (Vijaya)
_ Tay Bát nhã Tam Muội (2 tay)
_ Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) đều hướng trong
_ Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tự giữ nhau



_ **Định Tuệ Luân** (10 ngón tay) hợp đầu
_ Dựng Không (ngón cái) đặt ở tim



Ấn tướng của **Cưu Cháp**
Còn như truyền thụ miệng

_ Thích hữu (bên phải Đế Thích) **Phạm Thiên Ấn**
Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) giữ Thủy (ngón vô danh)
Giống như tướng cầm hoa



_ Tuệ (tay phải) Phong (ngón trỏ) đặt trên Hỏa (ngón giữa)
Không (ngón cái) giữ lóng giữa Thủy (ngón vô danh)
Phạm Thiên Phi Mật Khế



_ Trong Quyển Thuộc Thiên Đế
Càn Đạt (Gandharva), **A Tu la** (Asura)
Ấn trước, Nội Phộc Quyển
Đuỗi Thủy (ngón vô danh) **Nhạc Thiên Ấn**



Tu La dùng tay Trí (tay phải)
Phong (ngón trỏ) quặp trên Không Luân (ngón cái)



Chín Ấn, sáu Chân Ngôn
Mỗi Chân Ngôn ấy là:
_ **Thiên Đế Thích:**

Đều ngòi đài sen trắng
Luân (bánh xe) Dao, Sáo, Thương Khư (Loa)
Linh (chuông) Đạc (mõ) với Quyển Sách (sợi dây) ...

Hào Tướng, Khẩu, Thiệt, Nha

Thầy đều cầm hoa sen

Trên hoa đặt **Tiêu Xí**

_ **Tề Ân** ở trong hoa

Vẽ làm *Liên Hoàn Quang* (ánh sáng của cái vòng hoa sen)

Tướng màu nhiệm tròn đẹp

Yêu (Như Lai Yêu) như *Hồi Châu Man*

Tạng (Như Lai Tạng) như *Ngọc Mã Âm*

Âm Tàng chẳng để lộ

Thí Nguyện Pháp Biện Thuyết

Kinh Tạng trên hoa sen

Niệm Xứ, Thập Lực đấng

Kèm vẽ hình người Trời

Đáng Tam Muội vắng lặng (Tịch Tĩnh Tam Muội)

Nên làm tướng Phật Đỉnh

Núi, sông, cây, hoa, quả

Lối đi: Quý, Thần, Trời

Tùy tên làm Tiêu Xí

Thần: **năm, tháng, sáu Thời**

Cầm hoa tùy Bản Giáo

Lược nói **Đại Bi Tạng**

Mạn Trà La Vị xong

_ Tất cả các Thánh Chúng

Rộng như *Đại Đàn Đò* (hình vẽ Đàn lớn)

Quán Đỉnh A Xà Lê (Bậc Thầy Quán đỉnh)

Như Kinh nên cúng dường

_ Tiếp, dẫn người đáng độ

Hoặc mười, hoặc tám, bảy

Hoặc năm, hai, bốn, một

Dùng nước sạch rưới vẩy

Trao cho Hương xoa, hoa

Khiến phát **Tâm Bồ Đề**

Trao **Giới Thẳng Thượng** ấy

Nghĩ nhớ các Như Lai

Tất cả đều nên làm

Sinh ở *nhà Phật* tịnh

_ **Kết Ân Pháp Giới Sinh**

Cùng với **Ân Pháp Luân**

Nhóm Kim Cương, Hữu Tình

Mà dùng làm **Gia Trì**

_ Tiếp nên tự mình kết

Chư Phật Tam Muội Gia

Ba chuyên, gia áo sạch

Như *Pháp Giáo Chân Ngôn*

_ Dùng áo đỏ che đầu

Khởi sâu Tâm thương xót
Ba tụng **Tam Muội Gia**
Đỉnh đội dùng **chữ LA** (𑖣 _ RA)
Nghiêm dùng diễm Đại Không (𑖣 _ RAM)
Chung quanh mở tóc lửa
Tự Môn sinh *Bạch Quang* (ánh sáng trắng)
Tuôn ra như Trăng đầy
Hiện đối các Cứu Thế
Rồi rải tán hoa sạch (Tĩnh Hoa)
Tùy nơi hoa ấy đến
Hành Nhân nên tôn phụng
_ Mạn Trà La, cửa đầu
Chỗ **Đại Long** phòng giữ
Ở khoảng giữa hai cửa
An lập nơi Học Nhân (người học)
Trụ đây, tùy *Pháp Giáo*
Mà làm mọi sự nghiệp
_ Như vậy khiến Đệ Tử
Mau lia các lỗi lầm
Làm Hộ Ma **Tịch Nhiên**
Hộ Ma y Pháp trụ
Trước, ngay **Trung Thai Tạng**
Đến thứ hai, bên ngoài
Ở trong Mạn Trà La
Làm, Tâm không nghi ngờ
Như lượng khuỷu tay mình
Đào đắp *Đàn Quang Minh* (Đàn Hộ Ma)
Bốn lóng (lóng tay) làm vòng giới
Trong nêu **Kim Cương Ấn**
Phương phải của Đạo Sư
Hộ Ma đủ chi phần
Người Học trụ bên trái
Ngồi xôm (Tông cứ tọa) tăng Tâm kính
Tự rải cỏ *Cát Tường* (Kusala)
Trải đất dùng an Tọa
Hoặc bày mọi sắc vẽ
Rực rỡ rất nghiêm lệ
Việc *tất cả Hội*, thành
Đấy, lược nơi Hộ Ma
Rải cỏ Tranh chung quanh
Đầu cuối trợ nhau thêm
Xoay bên phải rộng dày
Dùng nước thơm rải khắp
Suy nghĩ **Hỏa Quang Tôn** (Hỏa Thiên)
Thỉnh đến vào trong lò
Thương xót lo tất cả
Cần phải cầm *Mãn Khí* (Đại Thược: cái muôi lớn)
Dùng để làm cúng dường

Bây giờ *Thiện Trụ Giả* (Người khéo trụ)

Nên nói Chân Ngữ này:

176. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **Ác** nga-năng duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् अग्नये स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĀYE - SVĀHĀ

__ Lại dùng tay Tam Muội (tay trái)

Tiếp, trì các Đệ Tử

Tay Tuệ (tay phải) ngón đại Không (ngón cái)

Lược **Phụng Trì Hộ Ma**

Mỗi hiến, liên thành tụng (chân thành tụng)

Riêng đều đến hăm mốt (21)

Nên trụ Tâm **Từ Mẫn**

Y Pháp *Chân Thật* nói:

__ **Phụng Trì Hộ Ma:**

177. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **A**, ma hạ phiến để nghiệt đa (2) phiến để yết la (3) bát-la diễm ma đạt ma nãi nhược đa (4) A bà phộc, tát phộc bà phộc (5) đạt ma sa mãn đa bát-la ba-đa (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् अहं माहासंति गता संति करा प्रासामाधर्मा निरजा अभवा स्वभवा धर्मा समान्ता प्रप्ता स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ_ MAHĀ-ŚĀNTI GATA_ ŚĀNTI KARA_ PRAŚAMA-DHARMA NIRJĀTA_ ABHĀVA SVABHĀVA DHARMA SAMANTA PRĀPTA_ SVĀHĀ

__ Hành Giả **Hộ Ma** (Homa) xong

Ứng Giáo Lệnh, bỏ thí

Vàng, bạc, mọi trân bảo

Voi, ngựa với xe cộ

Bò, dê, quần áo đẹp

Hoặc mọi tiền của khác

Đệ Tử nên chí thành

Cung kính khởi ân trọng

Thâm Tâm tự vui mừng

Mà phụng hiến **Sở Tôn** (Tôn của mình)

Dùng tu hành Tịnh Xả

Khiến Tôn ấy vui vẻ

__ Dùng tác làm **Gia Hộ**

Ứng Triệu mà nói rằng (cáo ngôn)

“*Nay, ruộng **Thắng Phước** này*

Tất cả Phật đã nói

Vì muốn nhiều ích rộng

Tất cả các Hữu Tình

Phụng thí tất cả Tăng

Sẽ đạt được Quả Lớn

Tư Tài lớn không tận

Đời nói thường tùy sinh”

_ Người đã cúng dường Tăng
Giúp cho người **đủ Đức**
Vì thế, Thế Tôn nói
Cần phải phát hoan hỷ
Tùy sức sắm món ăn
Giúp cho **Hiện Tiền Tăng** (Chư Tăng hiện tại)

_ Ma Ha Tỳ Lô Phật
Lại bảo Cháp Kim Cương
Rồi nói Già Đà rằng
“Ông! **Ma Ha Tát Đỏa** (Mahā-satva)
Một lòng hãy lắng nghe!
Sẽ rộng nói **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)
Phật xưa đã mở bày (khai thị)
Thầy làm **Đàn thứ hai**
Đôi **Trung Mạn Trà La**
Tô vẽ ở ngoài giới
Cách nhau hai khuỷu tay
Bốn phương chính, chia đều
Trong, hướng mở một cửa
Đặt bốn **Cháp Kim Cương**
Ngủ ở bốn góc ngoài
Là **Trụ Vô Lý Luận** (Niḥprapanca-pratiṣṭha-vajradhāra, hay Aprapañca-
vihārin-vajradhāra)
Với **Hur Không Vô Cấu** (Vimalākāśa-vajradhāra, hay Gaganāmala-vajradhāra)
Vô Cấu Nhãn Kim Cương (Vimalanetra-vajradhāra)
Với **Bị Tạp Sắc Y** (Citra-vasa-dhṛk-vajradhāra)
_ Nội Tâm: hoa sen lớn
Tám cánh đủ râu nhụy
Ở trong cánh bốn phương
Bốn **Bồ Tát bần lữ**
Do **Đại Hữu Tình** ấy
Vì nguyện lực xa xưa
_ Tại sao gọi là **Bốn**?
Là **Tổng Trì Tự Tại**
Niệm Trì, Lợi Ích Tâm
Bi Giả, Bồ Tát đẳng
_ Bốn cánh hoa còn lại
Làm bốn vị **Phụng Giáo** (Parivara)
Tạp Sắc y, Mãn Nguyện
Vô Ngại với Giải Thoát
_ Chính giữa bày Pháp Giới (Chữ 𑖀 – RAM)
Màu chẳng thể luận bàn
Bốn Bình làm bằng báu
Chứa đầy mọi thuốc báu (Dược bảo)
Phổ Hiền, Từ Thị Tôn
Cùng với **Trừ Cái Chướng**
Trừ Nhất Thiết Ác Thú

Mà dùng làm Gia Trì
_ Người ấy, lúc Quán Đỉnh
Nên đặt trên Hoa Sen
Hiển: dùng *hương xoa, hoa*
Đèn sáng với Át Già
Trên treo *phan, phướng, lọng*
Dâng âm nhạc nhiếp ý
Nhóm *Cát Khánh Già Đà*
Rộng nhiều lời hay đẹp
Như vậy mà cúng dường
_ Khiến được vui vẻ xong
Thân (Gần gũi) đôi các Như Lai
Rồi tự rưới đỉnh đầu
Lại nên cúng dường ấy
Các hương hoa diêu thiện
Quán Vũ (tay trái) cầm Ngũ Trí (chày Ngũ Cổ Kim Cương)
Trao vào hai bàn tay (Đặt chày vào 2 tay Đệ Tử)
_ **“Chư Phật Kim Cương Quán Đỉnh Nghi**
Người đã như Pháp Quán Đỉnh xong
Vì thành Thế Tính của Như Lai
Người nên nhận chày Kim Cương này”

_ Tiếp nên giữ **Kim Bê** (dao mổ mắt)
Đứng trước mặt kẻ ấy
Ủy dụ khiến vui vẻ
Nói **Như Lai Già Đà**
“Phật Tử! Phật vì người
Quyết trừ màn Vô Trí
Giống như Thế Y Vương
Khéo dùng dao mổ mắt”

_ Hành Giả trì Chân Ngôn
Lại nên cầm gương sáng
Vì hiển Pháp **Vô Tướng**
Nói **Diệu Già Đà** này
“Các Pháp không hình tượng
Lặng trong không vẫn đượ
Không chấp, lừa lời nói
Chỉ từ Nhân Nghiệp khởi
Như vậy biết Pháp này
Tự Tính không nhiễm ô
Vì đời lợi khôn sánh (vô tỉ: không thể so sánh)
Người từ Tâm Phật sinh”

_ Tiếp nên truyền **Pháp Luân** (Dharma-cakra)
Đặt ở giữa hai chân
Tay Tuệ (tay phải) truyền **Pháp Loa** (Dharma-saṅkha)
Lại nói **Ke** như vậy
“Người từ ngày hôm nay

*Chuyển ở **Cứu Thế Luân** (bán xe cứu đời)
Tiếng ấy rộng vòng khắp
Thối loa Pháp vô thương
Đừng sinh ở Tuệ khác
Nên lia Tâm nghi hối
Mở bày ở Thế Gian
Đạo Chân Ngôn Thắng Hạnh
Thường tác Nguyên như vậy
Tuyên xưng **Ấn Đức Phật**
Tất cả **Trì Kim Cương**
Đều sẽ hộ niệm người”*

*_ Tiếp đối với Đệ Tử
Nên khởi Tâm thương nhớ
Hành Giả nên vào trong
Bày **Kệ Tam Muội Gia**
“Phật Tử! Người từ nay
Chẳng tiếc luyến thân mệnh
Thường chẳng nên bỏ Pháp
Buông lia Tâm Bồ Đề
Keo kiệt tất cả Pháp
Hạnh chẳng lợi chúng sinh
Phật nói **Tam Muội Gia**
Người khéo trụ nơi Giới
Như hộ thân mệnh mình
Hộ Giới cũng như vậy
Nên chí thành cung kính
Cúi lạy **chân** (bàn chân) Thánh Tôn
Chỗ làm, tùy **Giáo Hạnh**
Đừng sinh Tâm nghi ngờ”*

KINH NHIỆP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA
BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG CHƯ TÔN MẬT ẨM TIÊU XÍ MẠN TRÀ LA NGHI QUỸ
QUYỂN THỨ HAI (Hết)

Mật Tạng Bộ 1 _ No.850 (Tr.82_Tr.87)

KINH NHIỆP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT
THẦN BIẾN GIA TRÌ ĐẠI BI THAI TẶNG CHUYỂN TỰ LUÂN
THÀNH TAM MIỆU TAM PHẬT ĐÀ
NHẬP BÁT BÍ MẬT LỤC NGUYỆT THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYỀN THỨ BA

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BA CA LA (Śubhakarā-siṃha: Thiện Vô Úy) phụng chiếu dịch.

Đệ tử được truyền là NHẬT HẠNH cầm bút ghi, trao cho Tỳ Kheo BẢO
NGUYỆT dịch ra chữ âm.

Sưu tập Thủ An, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Bà Nga Noan

Tỳ Lô Giá Na Phật (Bhagavate vairocana-buddha)

Bảo Trì Kim Cương Thủ

“Phật tử! Chí Tâm nghe

Chúng tử Mạn Trà La

Trước quán A Tụ Môn (𑖀)

Chuyển sinh nơi chữ Phộc (𑖀 - VA)

Cho đến tất cả chữ

Mà thành Mạn Trà La (Maṇḍala)

Ấn Khế Mạn Trà La

Chuyển đây thành Tiêu Xí

Tướng khác, rộng như Kinh

Mão báu, nâng tay Ấn

Trụ ở nơi Tụ Môn

Sự nghiệp mau thành tựu

178. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam. A

Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Sa

Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn. Phộc

Ca khư nga già

Tả sai nhạ toán

Tra xá noa trà

Đá tha ná đà

Bả phả ma bà

Dã La La phộc

Xả sái sa hạ. Khất-xoa”

𑖀𑖀: 𑖀𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

𑖀𑖀: 𑖀𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

𑖀𑖀: 𑖀𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ A

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SA
 NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM VĀ
 KA KHA GA GHA CA CCHA JĀ JHA
 ṬA ṬHA ḌA ḌHĀ TA THA ḌA ḌHA
 PĀ PHĀ BĀ BHĀ YĀ RĀ LĀ VĀ
 ŚĀ ŚĀ SĀ HĀ KṢĀ

_ Quy Mệnh giống trước

179. “A, Sa, Phộc

Ca khur nga già

Tả sai nhạ toản

Tra xá noa trà

Đá tha ná đà

Bả phả ma bà

Dã La La phộc

Xả sái sa hạ – Khất-xoa”

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖀 𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀

𑖀 NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM Ā
 NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SĀ
 NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM VĀ
 KĀ KHĀ GĀ GHĀ CĀ CCHĀ JĀ JHĀ
 ṬĀ ṬHĀ ḌĀ ḌHĀ TĀ THĀ ḌĀ ḌHĀ
 PĀ PHĀ BĀ BHĀ YĀ RĀ LĀ VĀ
 ŚĀ ŚĀ SĀ HĀ KṢĀ

_ Quy Mệnh giống trước

180. “Ám . Tảm. Noan

Kiểm khiếm nghiêm cảm

Chiêm xiêm nhiễm tiêm

Khiêm nam nam trạm

Đam tham đạm đạm

Bố-hàm, phổ-hàm, mộ-hàm, bồ-hàm

Diễm,Lãm ,Lam, noan

Thiêm, tham sam hàm. Ngật-sam”

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖀 𑖀 𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖀 𑖀

𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖀𑖀𑖀

Hàm nhiệm nam nam noan (Niết Bàn Chân Ngôn)

Nhược ngược nạch nặc mặ

𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏

𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏

𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏

𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏

𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛

NĀ NĀ NĀ NĀ MĀ

NAM NAM NAM NAM MAM

NAH NAH NAH NAH MAH

_ Bí Mật Chủ nên biết

Từ **CA TỰ LUÂN** (𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛 : KA) đầu

Chuyển sinh mười hai chuyển

Cho đến chữ **Khất-xoa** (𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛 : KṢA)

Đều thành Thê Pháp Giới

Đạo Tam Muội (Samādhi-mārga) nhóm này

Hoặc trụ Phật Thế Tôn

Bồ Tát, Đấng Cứu thế

Duyên Giác, Thanh Văn nói

Tội hại nơi lỗi lầm

Hoặc chư Thiên, người đời

Đạo Pháp Giáo Chân Ngôn

Như vậy, người Cần Dũng

Vì lợi ích chúng sinh

Chân Ngôn **Đẳng Chính Giác**

Ngôn Danh thành lập Tướng

Như **Nhân Đà La Tông**

Các nghĩa lợi thành tựu

Có tăng thêm **Pháp Cú** (Dharma-pāda)

Tương ứng **Bản Danh Hạnh**

_ Hoặc chữ **Án** (𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛 – OM) chữ **Hồng** (𑖀𑖃𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛 – HŪM)

Cùng với **Phát Trách Ca** (Paṭaka: phan, phướng)

Hoặc nhóm **Hiệt Li** (HRĪḤ: Thanh tịnh), **bé** (VIḤ: Tội Thắng)

Là danh hiệu **Phật Đỉnh** (Buddhoṣṇīṣa)

_ Hoặc **Yết Lật Hận Noa** (Gṛhṇa: chấp thủ)

Khư đà gia (Khādaya: Ăn nuốt), **Bạn Xà** (Bhaṃja: phá hoại)

Đẳng loại **Bát Tra dã** (Paṭāya: chia rẽ, vụn bẻ)

Là **Phụng Giáo Sứ Giả** (Parivara)

Các Chân Ngôn Phần Nộ

_ Nếu có chữ **Nạp ma** (Namaḥ: Quy kính)

Với chữ **Sa phộc ha** (Svāhā: Nhiếp thụ)

Là tu **Tam Ma Địa** (Samādhi)

_ Nếu có chữ **Phiến đà** (Śānta: Tịch tĩnh)

Nhóm chữ **Vĩ Thú Đà** (Viśuddha: Thanh Tịnh)

Nên biết hay mãi túc

Tất cả sự mong cầu

_ Đây Chính Giác Phật Tử!

Chân ngôn Đấng Cứu Thế
Hoặc Thanh Văn đã nói
Mỗi mỗi câu an bày
Trong đó Bích Chi Phật
Lại có chút sai khác
Là Tam Muội chia khác
Tĩnh trừ nơi nghiệp sinh

_ Lại nữa, Bí Mật Chủ! Như Lai ở trong vô lượng trăm ngàn Câu Chi Na Dữu Đa kiếp gom chứa tu hành: Chân Thật Đế Ngữ, 4 Thánh Đế, 4 Niệm Xứ, 4 Thần Túc, 10 lực Như Lai, 6 Ba La mật, 7 Báu Bồ Đề, 4 Phạm Trú, 18 Pháp Bất Cộng của Phật.

Lấy chỗ tinh yếu mà nói từ sức **Nguyện Trí**, sức **Gia Trì của tất cả Pháp Giới** tùy thuận chúng sinh như chủng loại của nó mà mở bày Giáo Pháp Chân ngôn là:

(𑖀_A) **A Tụ môn** là tất cả các Pháp vốn chẳng sinh

(𑖁_KA) **CA Tụ môn** là tất cả các Pháp lia tác nghiệp

(𑖂_KHA) **KHU Tụ môn** là tất cả Pháp đấng Hư Không (ngang bằng với Hư không) chẳng thể được (bất khả đắc).

(𑖃_GA) **NGA Tụ môn** là tất cả các **Pháp Hành** chẳng thể được

(𑖄_GHA) **GIÀ Tụ môn** là **Tướng Nhất Hạp** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖅_CA) **GIÁ Tụ môn** là tất cả các Pháp lia tất cả sự biến đổi (Thiên biến)

(𑖆_CHA) **XA Tụ môn** là *ảnh tượng* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖇_JA) **NHẠ Tụ môn** là *Sự sinh* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖈_JHA) **XẢ Tụ môn** là *Sự chiến dịch* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖉_TA) **TRA Tụ môn** là *Sự kiên mạn* (Mạn) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖊_THA) **XÁ Tụ môn** là *Sự trưởng dưỡng* (nuôi lớn) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖋_DA) **NOA Tụ môn** là *Sự oán đối* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖌_DHA) **TRÀ Tụ môn** là *Sự chấp trì* (cầm giữ) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖍_TA) **ĐA Tụ môn** là *Tính Như Như* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖎_THA) **THA Tụ môn** là *Trụ xứ* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖏_DA) **NÁ Tụ môn** là *Sự Thí* (đem cho) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖐_DHA) **ĐÀ Tụ môn** là *Pháp Giới* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖑_PA) **BA Tụ môn** là *Đệ nhất nghĩa đế* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖒_PHA) **PHẢ Tụ môn** là tất cả các Pháp chẳng bền vững như bọt tụ.

(𑖓_BA) **MA Tụ môn** là *Sự ràng buộc* (phộc) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖔_BHA) **BÀ Tụ môn** là *Sự có* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖕_YA) **DÃ Tụ môn** là *tất cả Thừa* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖖_RA) **LA Tụ môn** là tất cả các Pháp lia tất cả các bụi bặm.

(𑖗_LA) **LA Tụ môn** là *tất cả Tướng* của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖘_VA) **PHỘC Tụ môn** là *Cắt đứt đường ngôn ngữ* của tất cả các Pháp.

Yết Ma Ân được truyền miệng.

Chân ngôn là:

186. **Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A tam ma ba-đa, đạt ma đà đồ (2) nga đề-dụng nga đa nam (3) tát phộc tha (4) Âm, khiêm, ám, ác (5) tảm, sách (6) Hàm hạc (7) Lam lạc (8) Noan phộc (9) sa-phộc hạ (10_ Tâm Chân Ngôn) Hồng, lam lạc, hạ-la hạc, sa-phộc hạ (11_ Tâm Trung Tâm) Lam lạc, sa-phộc hạ (12)”**

ॐ नमोः सन्मन्त बुद्धानाम् असाम्पत धर्मा-
धतु गति गतानाम् सार्वथाम् अम काम् अम अह् सम् साह्-
हाम् हाह् राम् राह् वाम् वाह् स्वाम् हाम् राम् राह् ह्रा हाह्
स्वाम् राम् राह् स्वाम्

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ASAMAPTA DHARMA-
DHĀTU GATI GATĀNĀM SARVATHĀ AM KĀMAḤ AM AHAḤ SAM SAHA-
HAM HAHAḤ RAM RAHAḤ VAMA VAHA SVĀHĀ HAMA RAM RAHA HRA HAHA
SVĀHĀ RAM RAHA SVĀHĀ

Vừa nói Chân Ngôn xong

Tất cả các Như Lai

Trụ ở mười phương Giới

Đều duỗi cánh tay phải

Xoa đỉnh khen: “Lành thay!

Phật Tử! Nay ông đã

Vượt lên trên Hạnh **Địa**

Thân Ngũ Ý Đại Nhật

Nói Chân Ngôn Vương này.

Vì sao vậy? Phật Tử!

Tỳ Lô Giá Na Phật

Ứng Chính Đẳng Giác Giả

Vốn ngồi Toà Bồ Đề

Quán Pháp **mười hai câu**

Giáng phục nơi bốn Ma

Ở Pháp Giới này, sinh

Câu lưu xuất ba chốn

Phá hoại quân **Thiên Ma**

Đạt được **Vô Biên Trí**

Tự Tại mà nói Pháp

Nay ông cũng như vậy

Đồng với Chính Biên Tri

Vì chúng Sở Tri Thức

Ông hỏi **Nhất Thiết Trí**

Đại Nhật Chính Giác Tôn

Hạnh Chân ngôn Tối Thắng

Sẽ diễn nói Pháp Giáo

Ta xưa kia do đây

Phát giác **Diệu Bồ Đề**

Mở bày tất cả Pháp

Khiến đến nơi diệt độ.

Hiện tại, mười phương Giới

Chư Phật đều chứng biết”

_ Bây giờ, Kim Cương Thủ

Thỉnh hồi Đại Nhật Tôn
“*Quyết định Thánh Thiên Vị*
Bí Mật Mật Trà La
Nguyện xin Bà Nga Noan
Vì con rộng diễn bày”
Nói **Già Đà** (Gāthā) đầy xong.

— Khi ấy, **Đại Nhật Thế Tôn** nhập vào Tam Muội **Đẳng Chí** (Samāpatti), quán sát các chúng sinh đời vị lai, rồi an trụ trong Định. Tức thời quốc thổ, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, năm báu xen kẽ, treo lọng báu lớn trang nghiêm Môn Tiêu (cửa), rèm tua đủ màu hình tướng dài rộng, chuông báu, pháp trần màu trắng, áo đẹp (Danh y), phan, bội (đồ trang sức bằng ngọc), lụa màu rũ bày đua nhau tô điểm. Ở tám phương góc dựng cây phượng Ma Ni, nước 8 Công đức tràn đầy thơm tho. Vô lượng chúng chim, uyên ương, ngỗng, hộc tuôn ra âm thanh hòa nhã. Mọi loại ao tắm, cây đầy hoa mùa nở tươi tốt xen bày thơm tho nghiêm đẹp. 8 phương hợp ràng 5 Anh lạc báu. Mặt đất mịn màng giống như bông sợi, ai bước chạm đến đều nhận khoái lạc. Vô lượng nhạc khí tự nhiên hòa nhịp, âm thanh vi diệu, ai cũng thích nghe. Vô lượng Bồ Tát, tùy phước cảm nhận: Cung thất, điện đường, tòa ngồi theo ý sinh. Nguyện Lực Tín Giải của Như Lai đã sinh ra Tiêu Xí của Pháp Giới, hiện ra hoa sen vua to lớn trong đó có **Thân Pháp Giới Tính** của Như Lai an trụ. Tùy theo mỗi loại Tính Dục của các chúng sinh khiến cho được vui vẻ.

Thời tất cả Chi Phần của Như Lai ấy có sức mạnh không bị chướng ngại, được sinh ra từ mười **Trí Lực Tín Giải**. Vô lượng hình sắc với tướng trang nghiêm, là Thân được tăng trưởng từ Công Đức của các **Độ** (Pāramitā: Ba La Mật Đa): Bồ Thí, Trì Giới, Nhân Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định, Trí Tuệ trong vô số trăm ngàn Câu Chi Na Do Tha kiếp, tức thời hiện ra. Xuất hiện xong rồi, ở trong Đại Chúng Hội của các Thế Giới phát ra âm thanh to lớn mà nói Kệ là:

“*Chư Phật rất Kỳ Đặc!*
Quyền Trí khó luận bàn
Tuệ Vô A Lại Gia (Tuệ không có sự cất dấu)
Hàm chứa nói các Pháp
Nếu hiểu không chỗ được (Vô Sở Đắc)
Pháp Tướng của các Pháp
Không có đặc mà đặc
Được chư Phật Đạo Sư ”

Nói âm thanh như vậy xong, quay trở lại nhập vào **Thân Pháp Tính** không thể luận bàn của Như Lai.

Tức thời, Đức Thế Tôn bảo Cháp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: “Này Thiện Nam Tử! Hãy lắng nghe về **Nội Tâm Mật Trà La** ... Đất của Thân ấy tức là Tự Tính của Pháp Giới, Chân ngôn, Mật Ấn Gia Trì mà gia trì Bản Tính Thanh Tịnh. Nơi hộ trì của Yết Ma Kim Cương, Tĩnh trừ tất cả *Trần Cấu* (bụi dơ) về: Ta, Người, chúng sinh, Thọ Giả, Ý Sinh, Nho Đồng (Thắng ngã), sự sai lầm tai hại về **Châu Ngột** (cho gốc cây là cái ghê).

Đàn vòng có 4 cửa thông đạt với 4 hướng, chung quanh có Giới Đạo (đường đi ranh giới), bên trong hiện *Ý Sinh Bát Diệp Hoa Vương* (hoa sen vua có 8 cánh do ý tưởng sinh ra), rút cuống nở nhụy với sắc vẻ đoan chính vi diệu. Chính giữa là Đức Như Lai (Đại Nhật Như Lai: Vairocana-tathāgata) có Thân đặc biệt rất tôn quý đối với tất cả Thế gian. Vượt qua Thân Ngũ Ý đến ở đất Tâm kịp được quả Thích Ý Thủ Thắng. Ở phương Đông là **Bảo Tràng Như Lai** (Ratnaketu-tathāgata), phương Nam là

Khai Phu Hoa Vương Như Lai (Sampuṣpītā-sālendrarājāya -tathāgata), phương Tây là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata), ở phương Bắc là **Thiên Cổ Như Lai** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa-tathāgata), phương Đông Nam là **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva), phương Đông Bắc là **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva), phương Tây Nam là **Diệu Cát Tường Đồng Tử** (Mañjuśrī-kumāra), phương Tây Bắc là **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva).

Trong tất cả nhụy là Phật Bồ Tát Mẫu, sáu Ba La Mật Tam Muội quyền thuộc mà tự trang nghiêm.

Bên dưới an bày các chúng phần nộ của Trì Minh.

Trì Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ dùng làm cuống sen ngự ở trong biển lớn không cùng tận, có vô lượng số hàng **Địa Cư Thiên** vây chung quanh.

_ Khi ấy, Hành Giả vì thành **Tam Muội Gia** (Samaya) cho nên dùng ý sinh ra hương, hoa, đèn sáng, hương xoa bôi, mọi loại thức ăn ngon...mà cúng dường. Liền nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ tụng) là:

*“Chân Ngôn Giả! Thành thật
Tô vẽ Mạn Trà La
Tự thân thành **Đại Ngã**
Chữ LA (𑖣 - RA) sạch các nhơ
An trụ Du Già Tọa
Tìm nhớ các Như Lai”*

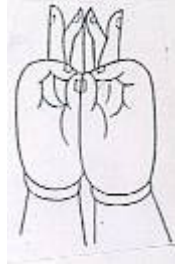
_ Đỉnh, truyền các đệ tử
Chữ A (𑖠) điểm Đại Không (𑖠 - AM)
Bậc Trí truyền *Diệu Hoa*
Khiến rải ở Thân mình
Vì nói *Nội Sở Kiến* (thấy ở bên trong)
Nơi Hành Nhân tôn phụng.
Vì *Đàn Tối Thượng* này
Ứng với **Tam Muội Gia** (Samaya)

_ Tiếp bày Tám Bí Mật
Trí Tuệ Tam Muội hợp (chấp hai tay lại)
Đuỗi bung Địa Phong Luân (ngón út và ngón trỏ)
Như tỏa ngàn ánh lửa



Đây tên **Bảo Tràng Phật**
Bản Sinh Uy Đức Ấn
Mạn Trà La: Tam giác
Đầy đủ ánh sáng lớn
Đều trụ hình Bản Tôn
Như Tôn được Tất Địa

_ Tiếp nói **Khai Phu Hoa**
Kim Cương Bất Hoại Ấn
Dựa Uy Đức Ấn trước
Co Phong (ngón trỏ) để trên Không (ngón cái)
Ấn như hình chữ Phộc (𠄎 - VA)



Tương **Mạn Trà** (Mandala) như chữ
Quanh có ánh Kim Cương.

_ Tiếp nói **Vô Lượng Thọ**
Liên Hoa Tạng Đại Ấn
Ấn đầu, bung Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh)
Địa (ngón út) hợp, Không (ngón cái) cũng vậy



Nguyệt Luân **Mạn Trà** La
Hoa Ba đầu (Padma: hoa sen) vây quanh

_ Tiếp nói **Cổ Âm Vương**
Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn
Co hai Độ (2 ngón út) vào chưởng
Còn lại như Hoa Tạng



Đàn áy như Bán Nguyệt (nửa vành trăng)
Điểm Không vòng quanh khắp.

_ Hỏa phương(Phương Đông Nam) **Chi Phần Ấn**
Hai Vũ (2 bàn tay) hợp như sen
Co hai Không (2 ngón cái) kèm dựng



Phở Hiền Mạn Trà La

Giống như **Ca La Xả** (Kalaśa)

Trắng đầy, Kim Cương vây

_ Y Xá phương (Phương Đông Bắc) Quán Âm

Dựa Chi Phần Ấn trước

Co Hỏa (ngón giữa) cài như trước



Mạn Trà (Maṇḍala) như cầu vòng

Rũ khắp phan Kim Cương.

_ Niết Ly Đê Thần phương (Phương Tây Nam)

Pháp Trụ Diệu Cát Tường

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng) duỗi Hỏa Luân (ngón giữa)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự hợp nhau.



Mạn Trà (Maṇḍala) như Hư Không

Giữa thêm hai Điểm Không

Xen đủ màu vây quanh

_ Phộc Dữu (Phương Tây Bắc) **A Đật Đa** (Ajita tức Di Lạc Bồ Tát)

Trí (tay phải) Định (tay trái) Kim Cương Chưởng

Liên trợ nhau dao động



Tân Tật Mạn Trà La
Hình như Tướng Đại Không
Điểm màu xanh, nghiêm khắp

Chính Giác rất sâu kín
Vượt quá đường ngôn ngữ
Vi **Đại Suất Đồ Ba** (Mahā-stūpa: cái tháp lớn)
Câu *lưu xuất* bốn nơi (Tứ xứ lưu xuất cú)
Chỉ Quán (2 bàn tay) sen chưa nở
A Vĩ La (A VI RA: ngón út, ngón vô danh, ngón giữa) hợp ngón
Hai **Khur** (𑀅𑀲 KHA: ngón cái) y gốc **La** (𑀅𑀲 RA: ngón giữa)
Hai **Ha** (HA 𑀅𑀲: ngón trỏ) ngang ngay thẳng.



Khắp thân bày bốn Minh
Ở ngay trên Thai Hoa

Tức thời Thế Tôn
Từ Tạng Thanh Tịnh
Tam Ma Bát Đề (Samāpatti: Đẳng Chí, Chính Thọ)
Ngũ biểu không tận
Chính Giác **Tín Giải** (Adhimukti)
Dùng một âm thanh
Tứ xứ (bốn chỗ) tuôn ra
Chân Ngôn bí mật
Mỗi một Chân Ngôn ấy là:
185. Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Lam lạc, sa-phộc hạ.
(Quy mệnh đồng với **Khai Phu** bên trên) **Noan phộc, sa-phộc hạ**
(Liên Hoa) **Tả Sách, sa-phộc hạ**
(Cao Đức) **Hàm hạc, sa-phộc hạ**
(Phổ Hiền) **Ám ác, sa-phộc hạ**
(Thế Tôn) **Một đà đạt la ni, sa mật-lật đề, mật la đà năng yết lý. Đà la đã**
tát noan. Bà nga phộc đề, A ca la phộc đề, tam ma duệ, sa-phộc hạ.
(Văn Thù) **A phệ ná, vĩ nê, sa-phộc hạ**
(Di Lạc) **Ma ha dữu na, dữu nghi ninh, dữu nghệ truật-phộc lệ Khiêm nhạ**
lị kế, sa-phộc hạ
Năng mặc Tát phộc đát tha nghiệt đề tỳ-dữu, vĩ thấp-phộc mục khế Tỳ-
dược. Tát phộc tha A A Âm Ác. Sa-phộc hạ.

↳ **Bản Uy Đức Sinh**

नमोः समान्त बुद्धानाम् राम राह स्वहा
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RAM RAḤ_ SVĀHĀ

Kim Cương Bất Hoại

नमोः समान्त बुद्धानाम् वाम वाह स्वहा
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAM VAḤ_ SVĀHĀ

Liên Hoa Tạng

नमोः समान्त बुद्धानाम् सम साह स्वहा
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAM SAḤ_ SVĀHĀ

Vạn Đức Trang Nghiêm

नमोः समान्त बुद्धानाम् हाम हाह स्वहा
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HAM HAḤ_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Chi Phần Sinh

नमोः समान्त बुद्धानाम् अम आह स्वहा
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AM AḤ_ SVĀHĀ

Thế Tôn Đà La Ni

नमोः समान्त बुद्धानाम् बुद्धाय नमोः बुद्धाय नमोः बुद्धाय नमोः बुद्धाय नमोः
नमोः समान्त बुद्धानाम् बुद्धाय नमोः बुद्धाय नमोः बुद्धाय नमोः बुद्धाय नमोः

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ BUDDHA-DHĀRAṆI SMṚTI
BALA DHĀNA KARI_ DHĀRAYA SARVAṀ BHAGAVATI ĀKĀRA-VATI,
SAMAYE_ SVĀHĀ

Như Lai Pháp Trụ

नमोः समान्त बुद्धानाम् अ वेदा वीदे स्वहा
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ Ā VEDA VIDE_ SVĀHĀ

Tán Tật Trì Thế Tôn

नमोः समान्त बुद्धानाम् महायोगा योगिनि महायोगा योगिनि महायोगा योगिनि
महायोगा योगिनि महायोगा योगिनि महायोगा योगिनि महायोगा योगिनि

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MAHĀ-YOGA YOGINI
YOGĒSVARI_ KHAṀ JARĪKE_ SVĀHĀ

Vô sở Bất Chí Chân ngôn

नमोः सर्व तथगतभ्याम् विश्वामुक्तेभ्यः सर्वतथगतभ्याम् विश्वामुक्तेभ्यः
NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYAḤ_ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ_
SARVATHĀ A Ā AM AḤ_ SVĀHĀ

Cầm châu (tràng hạt) để trên Tim
Còn như **Tô Tật Địa** (Susiddhi)
Mỗi mỗi các Chân Ngôn
Tác *Tâm Y* niệm tụng
Thở ra vào là hai
Thường tương ứng bậc nhất
Khác đây mà Thọ Trì
Chân Ngôn thiếu *chi phần*
Trong và ngoài tương ứng
Ta nói có bốn loại
Thế Gian Niệm Tụng ấy
Có chỗ Duyên tương ứng
Trụ chung tử, chữ, câu
Hoặc Tâm tùy Bản Tôn

_ Kim Cương Thủ thỉnh hỏi:

“*Bồ Tát hành Chân Ngôn*

Tu hành bao nhiêu tháng

Cấm Giới được kết thúc?”

_ Bây giờ **Bà Nga Noan** (Đức Thế Tôn)

“Lành thay! Cần Dũng Sĩ!

Ông hỏi Giới Thủ Thắng

Phật xưa đã khai diễn

Duyên **Minh** đã khởi **Giới**

Trụ **Giới** như Chính Giác

Khiến được thành **Tất Địa** (Siddhi)

Vì lợi Thế Gian nên

Đặng khởi tự chân thật

Thường trụ ở **Đẳng Dẫn** (Samāhita)

Tu hành **Giới** sẽ xong

Tâm Bồ Đề, quả nghiệp

Hòa hợp làm một tướng

Mau lìa các tạo làm

Đủ **Giới** như **Phật Trí**

Khác đây **phi Cấm Giới** (chẳng phải là Cấm Giới)

Được các Pháp Tự Tại

Thông đạt lợi chúng sinh

Thường tu hạnh **Vô Trước** (không nhiễm dính)

Nhóm Đá quý, mọi báu

Cho đến mãn Lạc Xoa

Đã nói Chân Ngôn Giáo

Tất ở nhóm Thời, Tháng

Lượng **Cấm Giới** kết thúc

_ Tội sơ (thoạt đầu) ở **Kim Luân**

Trụ **Đại Nhân Đà La**

Thường quán nơi chữ A (𑖀)

Nên kết **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudra)

Uống sữa giúp nuôi Thân

Hành Giả mãn một tháng

Điều hòa hơi ra vào

_ Tiếp ở tháng thứ hai

Nghiêm chỉnh trong **Thủy Luân**

Vành tròn thành chín tầng

Màu ánh trắng đêm thu (chữ Phộc: 𑖔 - VA)

Nên kết **Liên Hoa Ấn** (Padma-mudra)

Rồi uống nước *Thuần Tịnh*

_ Tiếp ở tháng thứ ba

Quán **Hỏa Luân** thắng diệu
Tam giác, vòng lửa uy (chữ LA: 𑖣 - RA)
Ấn kết **Đại Tuệ Dao**
Ấn chẳng cầu vật thực
Đốt diệt tất cả tội
Mà sinh Thân, Ngữ, Ý
_ Tháng thứ tư, **Phong Luân** (chữ HA: 𑖔 - HA)
Hành Giả thường nuốt gió
Kết **Chuyển Pháp Luân Ấn**
Nhiếp Tâm để trì tụng
_ **Kim Cương Thủy Luân Quán** (chữ A: 𑖠, PHỘC : 𑖡)
Y trụ ở **Du Già** (Yoga)
Đây là tháng thứ năm
Mau lìa được chẳng được
_ Hành Giả *Vô Sở Trước* (không có nơi nhiệm dĩnh)
Đẳng đồng **Tam Bồ Đề** (Sambodhi: Chính Giác)
Hòa hợp **Phong Thủy Luân** (chữ HA: 𑖔_ PHỘC: 𑖡)
Vượt qua mọi lỗi lầm
Lại một tháng trì tụng
Đây gọi tháng thứ sáu
Cũng buông lợi, chẳng lợi
_ Hàng Thích, Phạm, Thiên Chúng
Trụ xa mà kính lễ
Tất cả làm Thủ Hộ
Người, Trời, **Thần cỏ thuốc** (Dược Thảo Thân)
Trì Minh, các Linh Tiên
Theo hầu tùy Giáo Mệnh
La Sát, bảy Mẫu Thần
Tất cả loài gây chướng
Thấy ánh sáng nơi đây
Chạy tan như lửa mạnh
Cung kính mà lánh xa
Đẳng Chính Giác Chân Từ
Tất cả được Tự Tại
Điều phục kẻ khó phục (nan giáng giả)
Như **Đại Cháp Kim Cương**
Nhiều ích các Quân Sinh
Đẳng đồng **Quán Thế Âm**
_ Sáu tháng đầy đủ xong
Tùy ước nguyện thành tựu
Thường nên ở *Tự Tha* (Ta, Người)
Xót thương mà cứu hộ
Trì niệm phần hạn xong
Nâng *châu* (tràng hạt) phát Đại Nguyện
Gia trì bày năm Cúng
Duyệt ý diệu Già Đà
Ba dâng (3 lần dâng) nước Át Già
Giải Giới, Pháp Giải Thoát

Chữ **La** (𠄎 - RA) gọi là lừa
 Chữ **Hồng** (𠄎 - HŪM) tên phần nô
 Chữ **Khur** (𠄎 - KHA) đồng Hur Không
 Ấy là điếm Cực Không
 Biết *Tối Chân Thật* này
 Gọi tên: A Xà Lê
 Biết rõ điều Phật nói
 Nên hành *Câu Bất Tử*
 Tưởng niệm *chữ Bản Sơ* (𠄎 - A)
 Điềm thuần trắng nghiêm sức (𠄎 - AM)
Tối thắng Bách Tâm Minh
 Các Pháp vốn chẳng sinh
 Ở trong, chính quán sát
 Hay phá *Cung Vô Minh*
 Chính Giác, các Thê Tôn
 Đã nói Pháp “NHƯ THỊ”
 Phật Tử! Nhất Tâm nghe
 An bày các Tự môn
 Chữ **Ca** (𠄎 - KA) ngay dưới hầu (cổ họng)
 Chữ **Khur** (𠄎 - KHA) trên nóc họng (hàm ếch)
 Chữ **Nga** (𠄎 - GA) dùng làm cổ
 Chữ **Già** (𠄎 - GHA) ở trong hầu (cổ họng)
 Chữ **Gia** (𠄎 - CA) làm gốc lưỡi
 Chữ **Xa** (𠄎 - CHA) ngang trong lưỡi
 Chữ **Nha** (𠄎 - JA) làm đầu lưỡi
 Chữ **Xã** (𠄎 - JHA) nơi sinh lưỡi
 Chữ **Tra** (𠄎 - TA) làm ống chân
 Chữ **Tra** (𠄎 - THA) biết bấp đùi
 Chữ **Noa** (𠄎 - DA) nói là eo
 Chữ **Tra** (𠄎 - DHA) dùng an tọa (2 cái hông)
 Chữ **Đa** (𠄎 - Ta) phần sau cuối (hậu môn)
 Chữ **Tha** (𠄎 - Tha) biết cái bụng
 Chữ **Ná** (𠄎 - DA) là hai tay (2 bàn tay)
 Chữ **Đa** (𠄎 - DHA) làm hông sườn
 Chữ **Ba** (𠄎 - PA) dùng làm lưng
 Chữ **Phả** (𠄎 - PHA) biết lồng ngực
 Chữ **Ma** (𠄎 - BA) làm hai chỗ (hai khuỷu tay)
 Chữ **Bà** (𠄎 - BHA) dưới cánh tay
 Chữ **Mãng** (𠄎 - MA) ngay trái tim
 Chữ **Đã** (𠄎 - YA) tướng Âm tàng (phần hạ bộ)
 Chữ **La** (𠄎 - RA) làm con mắt
 Chữ **La** (𠄎 - LA) vàng trán rộng
Ai (𠄎 - I) **Y** (𠄎 - Ī) hai vành mắt (I: vành mắt phải; Ī: vành mắt trái)
O (𠄎 - U) **O** (𠄎 - Ū) hai vành môi (U: vành môi trên; Ū: vành môi dưới)
E (𠄎 - E) **ÁI** (𠄎 - AI) làm hai tai (E: lỗ tai phải; AI: lỗ tai trái)

O (𑖀 - O) ÁO (𑖀- AU) hai gò má (O: gò má phải; AU: gò má trái)
Chữ Ám (𑖀 - AM) Câu Bò Đề
Chữ Ác (𑖀- AH) Bát Niết Bàn (Parinirvāṇa)
Biết tất cả Pháp đầy
Hành Giả thành Chính Giác
Tất cả Trí, của cái (Tu tài)
Thường ở ngay trong đó
Đời hiệu (xung là) **Nhất Thiết Trí**
Đấy là **Tất Bà Nhã** (Sarva-jñā)

_ Bấy giờ, **Tỳ Lô Giá Na Phật** bảo **Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ** rằng: “Đại Đức Kim Cương Thủ! Pháp này là **Như Lai Bí Mật Ấn**, Tối thắng bí mật, chẳng nên truyền liền cho người, ngoại trừ người đã Quán Đỉnh, tột tính điều nhu, tinh tiến vững chắc, phát Nguyện Thù Thắng, cung kính Sư Trưởng, nhớ báo Ân Đức, trong ngoài thanh tịnh, buông xả thân mệnh mình để cầu Pháp.

Tướng biểu hiện của Đệ tử TA, Tại gia hay Xuất gia, chủng tính Thù thắng, tướng người ấy hoặc trắng xanh hoặc màu trắng, đầu rộng cổ dài, trán rộng bằng chính, mũi râu thẳng thắn, khuôn mặt đầy đặn, tương xứng đoan nghiêm. Phật Tử như vậy cần phải ân cần mà truyền dạy cho. Nếu khác điều này thì phạm vào Tam Muội Gia”.

Ngoài ra như bản Giáo nói.

“Nguyện khắp các Hữu Tình đồng sinh Liên Hoa Tạng”

NHIẾP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH
NHẬP LIÊN HOA THAI TẠNG HẢI HỘI BI SINH MẠN TRÀ LA
QUẢNG ĐẠI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ
_ QUYÊN THỨ BA (Hết)_

Nhiếp Đại Nghi Quỹ, một Bộ 3 quyển là do 3 Thầy **Từ Giác, Trí Chứng, Tông Duệ** thỉnh về. Xong bản ấy chẳng phải không có khác, mà nay đem ấn khắc. Ất bản của Từ Giác Đại sư triển chuyển truyền tả có sai lầm nhiều, nên dùng Bản Kinh và Quảng Đại Nghi Quỹ giáo định có chỗ nào chưa quyết thì đánh dấu ở trên để đợi các bậc Hậu Triết. Hoặc vì phòng ngừa bọn Mạn Pháp, có khi làm loạn thoát văn nên thỉnh ý Thầy mà điếm thị ở bên cạnh. Ấy là cầu cho Pháp Bảo được an trụ lâu dài vậy.

Nhằm niên hiệu Chính Đức, năm đầu, năm Tân Mão, mùa hạ.

Vũ Thành – chùa Linh Vân - Sa môn TUỆ QUANG ghi.

_ Hiệu chỉnh một Bộ gồm 3 quyển xong vào ngày 28/11/2014